

THƯ MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 với nội dung cụ thể như sau:

- 1. Thời gian tổ chức đại hội:** 13 giờ 30 ngày 27/4/2021 (đón khách từ 13g00 đến 13g30)
- 2. Địa điểm:** Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- 3. Nội dung đại hội:**

Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2021 được Công ty đăng tải tại website: tranoc-omonwaco.com.vn từ ngày 06/4/2021 và gửi bản in đến Quý cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Đăng ký dự họp:

Để chuẩn bị đón tiếp Đại biểu, Quý cổ đông vui lòng *Đăng ký dự Đại hội* tại Văn phòng Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn hoặc gửi *Giấy đăng ký tham dự Đại hội* về địa chỉ Công ty **trước 14h00 ngày 22/4/2021**, để Công ty chuẩn bị tài liệu, hội trường...

5. Ủy quyền tham dự đại hội:

Quý Cổ đông ủy quyền cho người tham dự Đại hội, Quý cổ đông vui lòng điền vào mẫu *Giấy ủy quyền dự Đại hội* và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ Công ty **trước 14h00 ngày 22/4/2021**.

Lưu ý: Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống hợp pháp. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có dấu của tổ chức ủy quyền. Do tình hình dịch bệnh COVID 19, khuyến khích các cổ đông ủy quyền cho người đại diện nhóm tham dự.

6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ:

Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

- Địa chỉ: Lô 12A, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

- Điện thoại: (0292) 6532.533 Fax: (0292) 3744.126

Liên hệ: Ông Trần Minh Nhựt – ĐT: 0939.057.917

Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời họp và Giấy ủy quyền (người nhận ủy quyền).
- Chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân khác.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Lộc



NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Thời gian: 13 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Địa điểm: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TPCT.

Thời lượng	Thời gian	Nội dung	Chủ trì
30'	13:00 - 13:30	- Cổ đông nhận tài liệu, thẻ biểu quyết	Ban tổ chức
15'	13:30 - 13:45	- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự - Báo cáo tình hình cổ đông tham dự - Giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu	Ban tổ chức
10'	13:45 - 13:55	Thông qua chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông năm 2021	Chủ tọa
55'	13:55 - 14:50	- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2020; Báo cáo kết quả đầu tư XD/CB 2020; - Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020; - Báo cáo kết quả giám sát đối với Giám đốc và Ban điều hành năm 2020; - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và Chương trình công tác năm 2021; - Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán 2020; - Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; - Tờ trình Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021; Kế hoạch XD/CB năm 2021-2022 - Tờ trình chi thường, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020 và Kế hoạch 2021; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021; - Tờ trình thông qua dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty; - Tờ trình thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động HĐQT; Quy chế hoạt động BKS.	Chủ tọa Trưởng BKS Chủ tọa
30'	14:50 - 15:20	Đại hội thảo luận	
10'	15:20 - 15:30	Nghỉ giải lao	
20'	15:30 - 15:50	Biểu quyết thông qua các nội dung xin ý kiến	Chủ tọa
30'	15:50 - 16:20	Công bố kết quả kiểm phiếu	Tổ kiểm phiếu



10'	16:20 - 16:30	Thông qua Nghị quyết Đại hội.	Thư ký
	16:30 - 17:00	Bế mạc Đại hội.	Chủ tọa





Cần Thơ, ngày tháng năm 2021

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ
ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

- Tên cổ đông:
- Số CMND/CCCD/GPĐKKD cấp ngày tại
- Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
- Địa chỉ liên hệ:..... Điện thoại:
- Tổng số cổ phần sở hữu:.....
- (Bằng chữ:

Căn cứ vào Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn, tôi xin xác nhận việc tham dự Đại hội như sau:

1. Trực tiếp tham dự : (Vui lòng đánh dấu chéo (x) vào ô)
2. Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

- Họ tên:
- Số CMND/CCCD/GPĐKKD cấp ngày..... tại.....

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho bên ủy quyền tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề nêu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn tổ chức ngày 27/4/2021.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty.

Người được ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người tham dự/Người ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC – Ô MÔN

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Mã số cổ đông: **TOW**

Họ và tên cổ đông:

Số cổ phần sở hữu và được ủy quyền:.....

Vấn đề biểu quyết	Biểu quyết		
	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020; Báo cáo kết quả đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB) năm 2020;			
2. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020			
3. Báo cáo kết quả giám sát đối với Giám đốc và Ban điều hành năm 2020			
4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và Chương trình công tác năm 2021			
5. Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán			
6. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020			
7. Tờ trình Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021; Kế hoạch XD CB năm 2021-2022			
8. Tờ trình chi thường, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký năm 2020 và Kế hoạch năm 2021			
9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021			
10. Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty			
11. Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động HĐQT; Quy chế hoạt động BKS.			

Đề nghị cổ đông đánh dấu “ X” vào chỗ trống tương ứng với ý kiến được chọn.

Chữ ký của cổ đông/Người được ủy quyền



Số /TNOM
Dự Thảo

Cần Thơ, ngày 27 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC – Ô MÔN

Để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông 2020 như sau:

I. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề phải thông qua trong Đại hội đồng cổ đông theo quy định, đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của Cổ đông. Mỗi Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền sẽ được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết, trong đó có ghi tên, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông ngoài các nội dung được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.
- Phiếu biểu quyết có 03 sự lựa chọn: *đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến* tương ứng với từng vấn đề biểu quyết.

2. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để *đồng ý, hoặc không đồng ý, hoặc không có ý kiến* một vấn đề được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc đánh dấu vào Phiếu biểu quyết.
- Khi biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết (***Ghi mã số biểu quyết***) phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tịch.
- Sau khi đánh dấu vào Phiếu biểu quyết các vấn đề cần biểu quyết, Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền ký tên trên Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban Bầu cử và Kiểm phiếu.
- Ghi nhận kết quả biểu quyết của Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền được thực hiện bởi Ban Bầu cử và Kiểm phiếu.



II. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Các Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông muốn phát biểu ý kiến phải:

1. Được sự chấp thuận của Đoàn Chủ tịch.
2. Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với Chương trình Đại hội đồng cổ đông.
3. Khi phát biểu phải nêu rõ Họ tên, mã số cổ đông.

III. ĐOÀN CHỦ TỊCH

- Danh sách Đoàn Chủ tịch được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Thẻ biểu quyết.

- Trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch:

1. Điều khiển Đại hội theo chương trình và quy chế đã được Đại hội thông qua, Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong chương trình Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong thời gian Đại hội tiến hành.

IV. THƯ KÝ ĐẠI HỘI

- Danh sách Ban thư ký được Đại hội thông qua bằng Thẻ biểu quyết.

- Trách nhiệm của Ban thư ký:

1. Ghi chép đầy đủ những ý kiến phát biểu, tham luận của Đại hội và tổng hợp các báo cáo của Đoàn Chủ tịch.
2. Soạn thảo các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội.
3. Lập và thông qua Biên bản Đại hội.

V. BAN BẦU CỬ VÀ KIỂM PHIẾU

- Danh sách Ban Bầu cử và Kiểm phiếu được Đại hội thông qua bằng Thẻ biểu quyết.

- Trách nhiệm của Ban Bầu cử và Kiểm phiếu:

1. Xác định chính xác kết quả biểu quyết của Cổ đông.
2. Thông báo kết quả biểu quyết trước Đại hội sau mỗi lần biểu quyết.
3. Phổ biến, hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ biểu quyết.
4. Phát và thu Phiếu biểu quyết, kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả.



5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Quy chế làm việc này được trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn và thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội đồng cổ đông.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Hữu Lộc



Số: /BC-TNOM

Cần Thơ, ngày 19 tháng 01 năm 2021



BÁO CÁO

**Kết quả sản hoạt động xuất kinh doanh năm 2020,
Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021**

A. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Sơ lược đặc điểm, tình hình:

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.
- Địa điểm trụ sở chính: Lô 12A KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
- Hiện nay Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1801 548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 06/07/2017, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/05/2018, với vốn Điều lệ 53.188.000.000 đồng.
- Cơ cấu tổ chức: Công ty có 07 đơn vị trực thuộc với tổng số Cán bộ Người lao động: 81 người (14 nữ); 37 đảng viên (02 dự bị); Công đoàn viên: 80; Đoàn viên thanh niên: 24; Hội viên Hội cựu chiến binh: 7.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	Diễn giải	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)	
					Cùng kỳ	Kế hoạch năm 2020
1	2	3	4	5	6 =5/4	7=5/3
1	Sản lượng (m³)	8.315.000	7.916.336	8.562.234	108,16%	102,97%
2	Tổng doanh thu (tr.đồng)	63.000	60.654,11	65.044,93	107,24%	103,25%
	<i>Sản xuất kinh doanh</i>	<i>63.000</i>	<i>59.958,16</i>	65.044,93	108,48%	103,25%
	<i>Khác</i>	<i>0</i>	<i>695,95</i>	<i>0,00</i>		
3	Tổng LN trước thuế (tr.đồng)	20.100	19.550,47	20.505,71	104,89%	102,02%
	<i>Sản xuất kinh doanh</i>	<i>20.100</i>	<i>19.200,85</i>	20.505,71	106,80%	102,02%
	<i>Khác</i>	<i>0</i>	<i>349,62</i>	<i>0,00</i>		
4	Tổng LN sau thuế (tr.đồng)	15.778	15.608,67	17.547,62	112,42%	111,22%
	<i>Sản xuất kinh doanh</i>	<i>15.778</i>	<i>15.328,98</i>	16.279,87	106,20%	103,18%
	<i>Khác</i>	<i>0</i>	<i>279,69</i>	0,00		
	<i>Thuế TNDN được giảm trong năm (30%)</i>	<i>0</i>	<i>0,00</i>	1.267,75		
5	Lắp đặt (hộ)	2.000	2.246	2.165	96,39%	108,25%

6	Số lao động bình quân (người)	82	80	81	101,25%	98,78%
7	Tỷ lệ tồn thu (%)	0,40	0,12	0,13	+0,01%	-0,27%
8	Ghi thu lần đầu (%)	66,00	72,34	83,17	+10,83%	+17,17%
9	Tỷ lệ thất thoát (%)	<13,5	12,78	12,98	+0,02%	-0,52%

- Tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

- Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về: công bố thông tin đối với Công ty đại chúng tại thị trường chứng khoán Upcom (mã CK: TOW); Hoàn thành báo cáo thường niên Công ty đúng qui định; Kế hoạch phòng chống tham nhũng; Hoàn thành công tác báo cáo, quyết toán thuế.

- Thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Hội đồng quản trị giao. Trong năm Công ty đã tập trung cải tiến thủ tục hành chính, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ từng bước nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, cụ thể:

+ Kết hợp cùng tư vấn hoàn thành hồ sơ tăng vốn Điều lệ Công ty.

+ Ứng dụng thực hiện thu tiền nước qua các kênh thu hộ: VNPTPAY, Payoo, VNPAY, Ngân hàng VTB, VCB - TCT..., Đến kỳ tháng 12/2020 thu 2.249 khách hàng (8,77%) với tổng số tiền 2,9 tỷ (52,26%)

- Hoàn thành công tác báo cáo tài chính hàng quý và năm 2020, kê khai và nộp thuế đầy đủ và đúng qui định. Tiếp đoàn Thanh tra thuế từ năm 2017 đến 2019.

- Chuẩn bị tốt cho ĐHĐCĐ 2020 và họp Hội đồng quản trị hàng quý theo qui định.

- Trong năm đã chi trả cổ tức: 7.836.273.042 đồng

+ Công ty CP cấp thoát nước Cần Thơ: 5.219.524.500 đồng.

+ Cổ đông khác: 2.616.748.542 đồng.

- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh, tu bổ sửa chữa máy móc, hệ thống thiết bị, đảm bảo sản xuất nước liên tục ổn định 24/24; lượng nước phát ra đáp ứng về sản lượng lẫn chất lượng và áp lực nước. Xử lý kịp thời các sự cố. Chất lượng nước luôn đạt quy chuẩn hiện hành. Định kỳ hàng năm đo đạc môi trường làm việc.

- Phối hợp với các đơn vị quản lý trên địa bàn, thực hiện công tác xả tuyến định kỳ nhằm cung cấp chất lượng nước tốt nhất cho khách hàng. Giám sát chất lượng công trình thi công, lắp đặt; Lắp đặt đúng thời gian qui định. Lập kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra các tuyến ống, lắp đặt các đồng hồ đo áp theo dõi áp lực trên toàn mạng lưới. Phát hành lệnh kịp thời phục vụ tốt công tác. Kiểm tra đề nghị nâng nắp chụp van bị lắp cát trên toàn mạng lưới. Định kỳ hàng tuần kiểm tra đồng hồ từ 25mm trở lên. Tổng số vùng đã gắn đồng hồ tổng kiểm soát lưu lượng là 46 vùng. Đổi đồng hồ đến hạn, mờ số, kẹt số: 1.142 lượt.

3. Công tác xây dựng cơ bản:

- Kịp thời triển khai các công trình mở mạng và cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ nhu cầu sử dụng nước theo kiến nghị của người dân, địa phương, tổng cộng có 07 công trình ống D114 PVC, D63 HDPE với tổng chiều dài 2.180 mét, giá trị 199.073.470 đồng.

- Tiến độ thực hiện XDCB:

STT	LOẠI ỚNG	KẾ HOẠCH (mét)	THỰC HIỆN (mét)	SỐ SÁNH (%)	GHI CHÚ
1	Chuyển tải	8.301	9.935	119,69	
2	Phân phối	61.591	62.494	101,47	
	Cộng	69.892	72.429	103,63	

Hoàn thành hệ thống năng lượng mặt trời đưa vào sử dụng:

- + Solar 130kwh phát ra 191.934 kw, tương đương số tiền 358.270.886 đồng;
- + Solar 30kwh phát ra 45.480 kw, tương đương số tiền 84.535.452 đồng;
- + Trong năm đã thu từ Điện Lực Bình Thủy số tiền 13.519.497 đồng.

Cải tạo bơm cấp 2 NMN Trà Nóc; Lắp đồng hồ điện từ online tại các doanh nghiệp lớn; phân vùng tách mạng...

4. Công tác nghiên cứu ứng dụng KHCN và công nghệ thông tin trong sản xuất, quản lý điều hành doanh nghiệp:

- Đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Khoa học kỹ thuật Công ty tạo cơ sở cho việc triển khai thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả phong trào thi đua cải tiến, sáng kiến trong sản xuất và thực hiện nhiệm vụ.

- Hội đồng Khoa học kỹ thuật Công ty công nhận 07 sáng kiến về giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp kỹ thuật và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác sản xuất, chuyên môn nghiệp vụ, tổng giá trị làm lợi: 1.304.012.296 đồng; trình Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty công nhận và trích thưởng 34.000.000 đồng. Trong đó 01 đề tài được công nhận cấp thành phố.

5. Chế độ chính sách đối với người lao động:

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với Người lao động theo quy định của Nhà nước: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn..., mua bảo hiểm tai nạn; trang cấp đồ bảo hộ lao động, tiền trang phục; tổ chức khám sức khỏe định kỳ...

Tạo điều kiện cho các đoàn thể hoạt động: Công ty cùng Công đoàn Cơ sở tặng quà Tết Nguyên đán cho Cán bộ Người lao động 80 suất, với tổng số tiền 68.981.000 đồng, hỗ trợ tập để tặng cho con Cán bộ Người lao động có thành tích trong học tập, số tiền 5.590.000 đồng...

Kết hợp cùng Công đoàn Cơ sở Công ty trao quà cho con Cán bộ Người lao động ngày 1/6, tết trung thu; tặng quà cho Cán bộ Người lao động nhân ngày 8/3, tết trung thu với tổng số tiền 55.990.000 đồng.

Công ty và các đoàn thể tổ chức tham quan du lịch cho 33 Cán bộ Người lao động, trích từ nguồn quỹ phúc lợi 1.000.000 đồng và từ chi phí đơn vị 5.000.000 đồng/người, tổng số tiền 204 triệu đồng.

Lập phụ lục hợp đồng lao động: 78 hồ sơ; xét nâng lương: 78 lượt. Ký quyết định nghỉ việc: 02, ký hợp đồng lao động 01 năm: 04.

Tổ chức thành công Hội nghị người lao động, ký kết Thỏa ước; đăng ký Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế dân chủ ở cơ sở với Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ; Đối thoại định kỳ hàng quý với đại diện người lao động theo qui định.

6. Công tác thi đua khen thưởng tại đơn vị:

Đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công ty tạo cơ sở cho việc triển khai thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả phong trào thi đua của Công ty.

Đầu năm Ban điều hành Công ty đã phát động phong trào thi đua trong toàn thể cán bộ người lao động. 100% cán bộ người lao động đã đăng ký các danh hiệu thi đua. Hội đồng Thi đua Khen thưởng Công ty đã tổng hợp và đăng ký về Khôi cũng như về Ban thi đua khen thưởng thành phố.

Công tác thi đua, khen thưởng của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn tiếp tục có sự đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp thực hiện và đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo cơ sở cho việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của Công ty trong thời gian tới. Đồng thời, ban hành các Kế hoạch thực hiện, giao chỉ tiêu theo đợt cho từng đơn vị trực thuộc.

Trên cơ sở các Kế hoạch đã giao, hàng quý tổ chức họp sơ kết, xét khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ và phong trào. Rút ra những bài học kinh nghiệm và đề xuất những giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Kết quả bình xét 2020, Hội đồng Thi đua Khen thưởng Công ty công nhận và đề nghị:

- Trình Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) phê duyệt khen thưởng:
 - + Tập thể đạt lao động tiên tiến: 03 đơn vị trực thuộc Công ty.
 - + Cá nhân đạt lao động tiên tiến: 68.
 - + Chiến sĩ thi đua cơ sở: 11.
 - + 05 tập thể và 36 cá nhân đạt Giấy khen Công ty.
- Ban Thi đua khen thưởng thành phố công nhận:
 - + Tập thể xuất sắc: 05;
 - + Bằng khen Chủ tịch UBND thành phố: 01 tập thể và 02 cá nhân; và cờ thi đua cấp thành phố cho Công ty.
 - + Đề nghị Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 02 cá nhân và Cờ Chính phủ cho tập thể Công ty.

7. Công tác an toàn an ninh trật tự tại đơn vị:

Tiểu đội tự vệ cơ quan phối hợp với Hội Cựu chiến binh Công ty tăng cường trực hỗ trợ vào các dịp Lễ, tết; Tập huấn tự vệ cơ quan ở quân đội quận Ô Môn.

Đầu năm Công ty xây dựng Kế hoạch số 04/KH-TNOM ngày 30 tháng 3 năm 2020 về xây dựng Cơ quan an toàn về an ninh trật tự năm 2020. Đồng thời lập bản đăng ký số 38//TNOM ngày 30 tháng 3 năm 2020 về đăng ký phân đấu xây dựng Cơ

quan “an toàn về an ninh, trật tự năm 2020” gửi về Phòng an ninh kinh tế - Công an thành phố Cần Thơ.

Cuối năm, lập Báo cáo số 221/BC-TNOM ngày 01 tháng 12 năm 2020 về thực hiện phong trào bảo vệ an ninh trật tự trong doanh nghiệp năm 2020 gửi về Phòng an ninh kinh tế - Công an thành phố Cần Thơ và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ và đã được công nhận.

Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Phòng an ninh kinh tế - Công an thành phố Cần Thơ, Ban chỉ đạo Kế hoạch an toàn về an ninh trật tự, Đội bảo vệ Công ty Cổ phần Hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ, chính quyền và Công an các quận huyện, xã phường trên địa bàn cung cấp nước sạch.

Xây dựng Công ty “không tội phạm, không ma túy, không mại dâm”, trong năm không có trường hợp vi phạm.

8. Công tác an sinh xã hội:

- Lắp đặt đồng hồ nước miễn phí cho hộ nghèo, 50% chi phí đầu nối cho hộ cận nghèo và gia đình chính sách... trong năm lắp đặt 129 hộ, số tiền 68.260.823 đồng.

- 100% Cán bộ Người lao động đóng góp quỹ tấm lòng vàng, số tiền: 4.620.000 đồng.

- Tham gia hiến máu nhân đạo: 05 lượt.

- Hỗ trợ học phí toàn phần cho sinh viên nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ năm 2020: 10.952.000 đồng.

- Hỗ trợ tập cho học sinh: 50.000 quyển với tổng số tiền là 240.000.000 đồng.

- Hỗ trợ đồng bào miền Trung bị bão lũ: 18.630.000 đồng.

- Hỗ trợ các địa phương: Lễ, Tết, đưa quận,...

*** Hỗ trợ khắc phục đại dịch Covid-19:**

Miễn tiền nước cho hộ nghèo trên địa bàn quản lý tháng 3, tháng 4 và tháng 5 năm 2020. Miễn tiền nước cho hộ cận nghèo và giảm 5% trên hóa đơn tiền nước cho hộ dân tháng 5, tháng 6 và tháng 7 năm 2020. Miễn tiền nước cho các cơ sở phục vụ cho công tác phòng chống dịch Covid-19 (Trung đoàn 932 thành phố Cần Thơ; Bệnh viện Lao và Phổi thành phố Cần Thơ) tháng 3, tháng 4 và tháng 5 năm 2020. Tổng số tiền 135.222.969 đồng.

Thực hiện tốt các báo cáo định kỳ hàng tuần, tháng về thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid gửi Ban Quản lý các KCX và Công nghiệp Cần Thơ theo qui định.

9. Những biện pháp, nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác:

a. Những biện pháp, nguyên nhân đạt được thành tích:

Được sự chỉ đạo kịp thời của Chủ tịch Hội đồng quản trị; kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp của Ban Lãnh đạo Công ty ngay từ đầu năm; sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện của chính quyền địa phương cùng sự nỗ lực của tập thể người lao động đã góp phần cùng Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nội bộ đoàn kết tốt.

Nhu cầu sử dụng nước sạch của các doanh nghiệp và hộ khách hàng tiếp tục ổn định; Công ty đã kết hợp cùng với chính quyền địa phương vận động nhân dân cùng thực hiện mở mạng lưới cấp nước các hẻm nhỏ chưa có nước sạch; nâng cấp, cải tạo mạng lưới. Đây là yếu tố tích cực thúc đẩy việc tăng sản lượng nước sạch cũng như tăng khách hàng, tăng doanh thu.

Công ty luôn đảm bảo cấp nước sạch 24/24, công tác kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị được thực hiện thường xuyên. Chất lượng nước phát ra đảm bảo quy chuẩn hiện hành.

b. Các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác:

Công ty ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong đó có việc áp dụng hình thức thanh toán trực tuyến cho hóa đơn tiền nước hàng tháng. Từ đó, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho khách hàng người dân quen dần với việc thanh toán qua các kênh thu hộ. Trong năm Công ty đã ký kết hợp đồng với 07 đối tác thu hộ tiền nước; Kết quả đạt rất khả quan: không thu tiền mặt từ 01% lên 10% hoá đơn, doanh thu từ 30,77% lên 67,86%; thí điểm thu 1 lần khi ghi trung bình đạt 82,5%.

10. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước:

- Tập thể luôn chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, nội quy, quy định của Công ty, Quy chế làm việc của các đoàn thể. Thực hiện tốt các quy định về Bảo hộ lao động, an toàn giao thông, lao động, Phòng chống cháy nổ và vệ sinh tốt khu vực được phân công.

- Lập Kế hoạch số 09/KH-TNOM ngày 09/4/2020 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 và Kế hoạch số 11/KH-TNOM ngày 20/6/2020 về thực hiện kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm; Lập danh sách và kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 đúng quy định.

11. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

Chi bộ hoàn thành Đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2020-2025, bầu cấp ủy gồm 5 đồng chí trong đó có 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư; đã xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy và thành lập 6 tổ đảng để thuận lợi cho công tác sinh hoạt đảng.

- Hoàn tất chuyển đảng chính thức 02 đảng viên dự bị, kết nạp đảng cho 02 đối tượng đảng; Tiếp tục bồi dưỡng 02 đối tượng đảng do Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Công đoàn Cơ sở Công ty giới thiệu.

- 100% đảng viên đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2020.

- Cuối năm, Chi bộ Cơ sở Công ty đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

Công đoàn Cơ sở tiếp tục duy trì thực hiện quỹ trợ vốn 60.000.000 đồng/tháng/4 lượt đoàn viên công đoàn; tổ chức và tham gia các phong trào các cấp... Cuối năm đề nghị Công đoàn Cơ sở đề nghị đạt vững mạnh xuất sắc và Bằng khen Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Hội Cựu Chiến binh kết hợp cùng các đoàn thể Công ty kết hợp tổ chức viếng nghĩa trang liệt sĩ nhân ngày 27/7/2020 tại Nghĩa trang Liệt sĩ Long Xuyên ngày 25/7/2020 gồm 45 đồng chí tham gia. Hội Cựu chiến binh đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh.

100% đoàn viên thanh niên cam kết chấp hành tốt Luật giao thông đường bộ, đường thủy đảm bảo an toàn tuyệt đối trước, trong và sau Tết. Chi đoàn hưởng ứng Chiến dịch 60 ngày tiết kiệm vì trẻ em có hoàn cảnh khó khăn năm 2020, tổng kết chiến dịch với số tiền ủng hộ 7.934.000 đồng.

- Giới thiệu 02 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp 02 đảng viên.

- Hoàn thành xét và xếp loại đoàn viên năm 2020: 100% đoàn viên đạt xuất sắc, 01 cá nhân được đề nghị Bằng khen thành đoàn, tập thể Chi đoàn đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020 và đề nghị Bằng khen của Trung ương Đoàn.

B. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	
		Chỉ tiêu	So cùng kỳ (%)
1	Sản lượng (m ³)	9.000.000	105,11
2	Doanh thu (triệu đồng)	68.000	104,54
3	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	21.000	102,41
4	Số hộ đầu nối	1.500	69,28
5	Số lao động bình quân	84	102,44
6	Tỷ lệ tồn thu	0,3	+0,17
7	Thất thoát (%)	12,5	-0,48

2. Đầu tư 2021 và 2022

STT	CÔNG TRÌNH	2021	2022	GHI CHÚ
1	Các tuyến ống	16.671.059.198	15.509.834.000	
	Chuyển tải	114 m	14.350 m	
	Phân phối	39.252 m	28.463 m	
	Cộng	39.366 m	42.813 m	
2	Nhà máy nước Cờ Đỏ	20.000.000.000	7.716.600.000	2021: thi công 2022: quyết toán
3	Nhà máy nước Trà Nóc	1.500.000.000	10.000.000.000	2021: tư vấn thiết kế 2022: thi công bể chứa
4	Đất Cờ Đỏ	3.000.000.000		
	Tổng cộng	41.171.059.198	33.226.434.000	

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cty CP Cấp thoát nước Cần Thơ;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Cấp ủy, BGĐ;
- Các đoàn thể;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT & Thư ký.

GIÁM ĐỐC





BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2020
CP CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN TỪ NGÀY 01/01 ĐẾN NGÀY 31/12/2020)

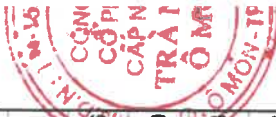
1/. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Đơn vị tính : đồng

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính : đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ	SỐ ĐÀU KỲ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	12.434.273.210	11.956.841.226	
	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.797.464.593	1.212.950.580	
	2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
	3. Các khoản phải thu ngắn hạn	5.101.961.716	5.227.428.730	
	4. Hàng tồn kho	3.827.348.520	5.017.545.647	
	5. Tài sản ngắn hạn khác	707.498.381	498.916.269	
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	140.102.460.648	132.014.459.498	
	1. Tài sản cố định	114.526.513.396	116.377.549.964	
	- Nguyên giá	179.124.190.505	172.675.198.268	
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-64.597.677.109	-56.297.648.304	
	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.160.312.582	7.504.663.203	
	3. Bất động sản đầu tư	0	0	
	4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
	5. Tài sản dài hạn khác	6.415.634.670	8.132.246.331	
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	152.536.733.858	143.971.300.724	
IV	NỢ PHẢI TRẢ	36.386.528.783	33.505.027.189	

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.906.428.699	59.888.756.943
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.906.428.699	59.888.756.943
4	Giá vốn bán hàng	34.030.804.237	32.057.221.972
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.875.624.462	27.831.534.971
6	Doanh thu hoạt động tài chính	88.646.625	34.754.156
7	Chi phí tài chính	1.703.810.732	1.831.069.419
8	Chi phí bán hàng	1.844.579.233	1.435.228.248
9	Chi phí quản lý kinh doanh	6.285.221.178	5.275.235.893
10	Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	21.130.659.944	19.324.755.567
11	Thu nhập khác	49.857.371	384.273.808
12	Chi phí khác	674.803.714	158.553.188
13	Lợi nhuận khác	-624.946.343	225.720.620
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	20.505.713.601	19.550.476.187
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.960.557.671	3.941.805.875
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	17.545.155.930	15.608.670.312





17	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần		2.979	2.831
3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN				
STT	CHỈ TIÊU		NĂM 2020	NĂM 2019
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		8,15	8,31
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản		91,85	91,69
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn		23,85	23,27
	Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn		76,15	76,73
3	Tỷ suất sinh lời (TSSL)			
	TLN trước thuế / Tổng tài sản		13,44	13,58
	TLN sau thuế / Doanh thu thuần		27,03	26,06
	TLN sau thuế / Vốn chủ sở hữu		32,99	29,35
4	Số lao động bình quân		82	80
5	Lương bình quân người / năm (trđ)		11,25	10,60

1. Nợ ngắn hạn	24.395.516.030	24.382.333.462
2. Nợ dài hạn	11.991.012.753	9.122.693.727
V NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	116.150.205.075	110.466.273.535
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.188.000.000	53.188.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		
Vốn khác của chủ sở hữu	35.307.592.052	35.307.592.052
Cổ phiếu quỹ	-990.000	-990.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Quỹ đầu tư phát triển	11.249.009.205	6.650.230.297
Quỹ dự phòng tài chính		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.406.593.818	15.321.441.186
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
VI TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	152.536.733.858	143.971.300.724

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 12A, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ

Điện thoại: (0292) 3843392 - (0292) 2471227 - (0292) 6532533

Fax: (0292) 3744 126

Email: capnuoctranoc.omon@gmail.com

Vốn điều lệ: 53.188.000.000 đồng (Năm mươi ba tỷ một trăm tám mươi tám triệu đồng)

Mã chứng khoán: TOW

Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định.	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-ĐHĐCĐ	24/4/2020	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

II. Hội đồng quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	01/08/2017	-
2	Ông Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT	01/08/2017	-
3	Ông Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT	01/08/2017	-
4	Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	01/08/2017	-
5	Bà Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT không điều hành	01/08/2017	-

2. Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	6/6	100%	-
2	Ông Huỳnh Minh Trung	6/6	100%	-
3	Ông Trịnh Công Đoàn	6/6	100%	-
4	Ông Võ Anh Tuấn	6/6	100%	-
5	Bà Lâm Nguyệt Thanh	6/6	100%	-

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc: HĐQT thường xuyên giám sát các công tác điều hành quản lý, chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc để thực hiện kịp thời tiến độ kinh doanh.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	21/01/2020	Nghị quyết HĐQT quý IV năm 2019	100%

2	02/NQ-HĐQT	16/4/2020	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý I/2020	100%
3	03/NQ-HĐQT	22/6/2020	Nghị quyết Hội đồng quản trị v/v cung cấp hồ sơ chào bán cổ phiếu đợt 2	100%
4	04/NQ-HĐQT	28/7/2020	Nghị quyết HĐQT quý II năm 2020	100%
5	05/NQ-HĐQT	08/9/2020	Nghị quyết Hội đồng quản trị v/v cung cấp hồ sơ chào bán cổ phiếu đợt 3	100%
6	06/NQ-HĐQT	30/10/2020	Nghị quyết HĐQT quý III năm 2020	100%
7	01/QĐ-HĐQT	23/4/2020	Quyết định ban hành Quy chế đầu tư Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn	100%

III. Ban kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Ngô Hồng Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngày bắt đầu: 01/08/2017	Đại học
2	Ông Hoàng Văn Khiêm	Kiểm soát viên	Ngày bắt đầu: 01/08/2017	Thạc sỹ
3	Ông Trương Thanh Hùng	Kiểm soát viên	Ngày bắt đầu: 01/08/2017	Trung cấp

2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Ngô Hồng Hạnh	2/2	100%	100%	
2	Ông Hoàng Văn Khiêm	2/2	100%	100%	
3	Ông Trương Thanh Hùng	2/2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ

đồng: Giám sát trong việc quản lý và điều hành Công ty theo chương trình hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không.

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Huỳnh Minh Trung	21/01/1976	Thạc sỹ	Ngày bổ nhiệm 01/08/2017
2	Ông Trịnh Công Đoàn	16/8/1982	Thạc sỹ	Ngày bổ nhiệm 01/08/2017
3	Ông Thái Minh Lực	12/12/1970	Đại học	Ngày bổ nhiệm 01/08/2017

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Lê Thị Thanh Phượng	25/7/1978	Đại học tài chính kế toán	Ngày bổ nhiệm 01/08/2017

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Trong năm các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, Người quản trị Công ty và Thư ký công ty đã tham gia tập huấn tuyên truyền về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Tổ chức vào ngày 19/11/2020.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ			Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần số 1800155244 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 31/8/2020	Số 2A, Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	01/8/2017			Cổ đông lớn
2	Ông Nguyễn Hữu Lộc		Chủ tịch HĐQT	092064000169 Ngày cấp 06/8/2015, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	110 đường Lê Lai, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	01/8/2017			
3	Ông Huỳnh Minh Trung		Thành viên HĐQT - Kiểm Giám đốc	091076000070 Ngày cấp 10/7/2020, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	24A đường Ngô Hữu Hạnh, phường Tân An, quận Ninh Kiều – TP. Cần Thơ	01/8/2017			



4	Ông Trịnh Công Đoàn		Thành viên HĐQT - Kiểm Phó Giám đốc	381066804 Ngày cấp 13/8/2011, nơi cấp: CA Cà Mau	91/65 đường CMT8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	01/8/2017		
5	Ông Võ Anh Tuấn		Thành viên HĐQT	092066001613 Ngày cấp 13/12/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 13B, đường Bạch Đằng, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	01/8/2017		
6	Bà Lâm Nguyệt Thanh		Thành viên HĐQT	361841059 Cấp ngày: 02/01/2008, nơi cấp: CA Cần Thơ	2/30 đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	01/8/2017		
7	Bà Ngô Hồng Hạnh		Trưởng Ban Kiểm soát	361755261 Cấp ngày: 19/03/2015, nơi cấp: CA Cần Thơ	49 đường 3/2, phường Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	01/8/2017		
8	Ông Hoàng Văn Khiêm		Thành viên Ban Kiểm soát	362055981 Cấp ngày: 11/11/2011, nơi cấp: CA Cần Thơ	Số 3 đường số 3 KDC Diệu Hiền, phường Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	01/8/2017		

9	Ông Trương Thanh Hùng		Thành viên Ban Kiểm soát	092083000385 Cấp ngày: 7/7/2015, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	12 Khu dân cư số 5 Đường 30/4, phường Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	01/8/2017		
10	Ông Thái Minh Lực		Phó Giám đốc	362299038 Ngày cấp: 29/9/2006, nơi cấp: CA Cần Thơ	137/29 Lê Thị Hồng Gám, phường Trà An, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	01/8/2017		
11	Bà Lê Thị Thanh Phượng		Kế toán trưởng	361635492 Ngày cấp: 03/01/2012, nơi cấp: CA TP. Cần Thơ	10/14 Lê Hồng Phong, KV5, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	01/8/2017		

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác: Không.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
I	Nguyễn Hữu Lộc		Chủ tịch HĐQT	092064000169 Ngày cấp 06/8/2015, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	110 Lê Lai, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%	Cá nhân: 0
1	Hồ Thị Quý Mão		Không có	094163000007 Ngày cấp 06/8/2015, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	110 Lê Lai, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	270.839	5,09%	Vợ
2	Nguyễn Trọng Tín		Không có			0	0%	Con
3	Trần Huỳnh Yên Nhi		Không có	079193006000 ngày cấp 29/01/2018, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	38- Trần Mai Ninh, P 12, Q. Tân Bình, TpHCM	0	0%	Con dâu

4	Nguyễn Thị Nguyệt Quế		Không có			0	0%	Con
5	Diệp Hòa Tiến	009C145028	Không có	365595677 ngày 29/10/2009, nơi cấp: CA Sóc Trăng	243 Hùng Vương, P. 6, Tp Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	0	0%	Con rể
6	Nguyễn Kim Anh		Không có		578 Hùng Vương, phường Hiệp Lợi, TP. Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	0	0%	Chị
7	Nguyễn Thị Phụng		Không có		229 - KV 14, P.Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, Tp Cần Thơ	0	0%	Chị
8	Nguyễn Hồng Quân		Không có	361293233 ngày cấp 12/5/2009, nơi cấp: CA Cần Thơ	229 - KV 14, P.Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, Tp Cần Thơ	0	0%	Anh rể
9	Nguyễn Ngọc Hào		Không có	Số 092059000949 cấp ngày 05/9/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	203 - KV 14, P.Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, Tp Cần Thơ	0	0%	Anh
10	Nguyễn Thị Mao		Không có	092160000633 ngày cấp 27/12/2016, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	203 - KV 14, P.Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, Tp Cần Thơ	0	0%	Chị dâu

12	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ			Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1800155244 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 31/8/2020	Số 2A, Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	3.479.683	65,42%	Chủ tịch HĐQT Đại diện vốn Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ: 3.479.683
II	Huỳnh Minh Trung	009C805622	Thành viên HĐQT - Kiểm Giám đốc	091076000070 Ngày cấp 10/7/2020, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	24A đường Ngô Hữu Hạnh, phường Tân An, quận Ninh Kiều – TP. Cần Thơ	88.544	1,66%	
1	Võ Thị Rót		Không có	370288405 Ngày cấp 13/10/2020 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Số 19 đường 39 KDC 586, TP. Cần Thơ	0	0%	Mẹ
2	Huỳnh Trung Hiếu		Không có		G3-52, đường 54, Khu dân cư 586, phường Phú Thứ – Cái Răng – TP. Cần Thơ	0	0%	Con
3	Huỳnh Như Thảo		Không có		G3-52, đường 54, Khu dân cư 586, phường Phú Thứ – Cái Răng – TP. Cần Thơ	0	0%	Con

4	Huỳnh Thanh Tùng		Không có	370594875 03/8/2018 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Áp Vinh Thành- Vĩnh Thành- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Anh
5	Nguyễn Thị Loan		Không có	371649278 Ngày cấp 25/10/2018 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Áp Vinh Thành- Vĩnh Thành- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Chị dâu
6	Huỳnh Thị Hoa		Không có	370604147 Ngày cấp 18/5/2016 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Áp Vinh Thành- Vĩnh Thành- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Chị
7	Trần Văn Thuận		Không có	370648366 Ngày cấp 06/6/2016 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Áp Vinh Thành- Vĩnh Thành- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Anh rể
8	Huỳnh Ngọc Thái		Không có	370709183 Ngày cấp 12/12/2013 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Áp Ngã Sáu- Thạnh Bình- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Anh
9	Trần Thị Bích Thuận		Không có	370709056 Ngày cấp 12/12/2013 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Áp Ngã Sáu- Thạnh Bình- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Chị dâu
10	Huỳnh Hữu Thọ		Không có	370818809 Ngày cấp 16/6/2020 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Áp Ngã Sáu- Thạnh Bình- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Em

11	Đặng Thị Kiều		Không có	370848209 Ngày cấp 16/6/2020 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Áp Ngã Sáu- Thạnh Bình- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Em dâu
12	Huỳnh Văn Hải		Không có	Tỉnh Kiên Giang	Áp Ngã Sáu- Thạnh Bình- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Em
13	Lê Thị Hương		Không có	371118851 Ngày cấp 12/12/2013 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Áp Ngã Sáu- Thạnh Bình- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Em dâu
14	Huỳnh Thị Ánh		Không có	371092842 Ngày cấp 21/02/2017 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang	Áp Ngã Sáu- Thạnh Bình- Giồng Riềng- Kiên Giang	0	0%	Em
15	Đinh Văn Toàn		Không có	311716606 Ngày cấp 22/11/2013 Nơi cấp: CA Tỉnh Tiền Giang	Áp Phú Nhuận- Mỹ Phước- Tân Phước- Tiền Giang	0	0%	Em rể
16	Huỳnh Thị Ánh Nga		Không có	281172572 Ngày cấp 23/01/2019 Nơi cấp: CA Tỉnh Bình Dương	Bình An- Dĩ An- Bình Dương	0	0%	Em
17	Nguyễn Văn Hoà		Không có	280870658 Ngày cấp 08/12/2018 Nơi cấp: CA Tỉnh Bình Dương	Bình An- Dĩ An- Bình Dương	0	0%	Em rể

III	Trình Công Đoàn		Thành viên HĐQT - Kiểm Phó Giám đốc	381066804 Cấp ngày 13/08/2011, nơi cấp: CA Cà Mau	91/65 Đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	1.325	0,025%	
1	Trình Văn Tiến		Không có			0	0%	Ba
2	Nguyễn Thị Nhớ		Không có			0	0%	Mẹ
3	Nguyễn Văn Thắng		Không có	380197998 Ngày cấp 17/8/2016 Nơi cấp: CA tỉnh Cà Mau	Khóm 12. Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	0	0%	Ba vợ
4	Trần Thị Thuận		Không có	381785776; Ngày cấp 28/8/2017; Nơi cấp: CA tỉnh Cà Mau	Khóm 12. Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	0	0%	Mẹ vợ
5	Nguyễn Thị Thùy		Không có			0	0%	Vợ
6	Trình Ngọc Hoài An		Không có			0	0%	Con
7	Trình Ngọc Phước An		Không có			0	0%	Con
8	Trình Văn Tới		Không có			0	0%	Em
9	Võ Thị Trúc		Không có	385366985; Ngày cấp 28/9/2004;	Áp Đông Mỹ, xã Trần Thới, huyện	0	0%	Em dâu

10	Trịnh Văn Phương			Không có	Nơi cấp: CA tỉnh Bạc Liêu	Cái Nước, tỉnh Cà Mau			
11	Lê Bảo Trân			Không có	381289269; Ngày cấp 14/9/2018; Nơi cấp: CA tỉnh Cà Mau	Áp Tân Diển, xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	0	0%	Em
12	Trịnh Thị Diễm			Không có			0	0%	Em
13	Võ Hồng Thành Luân			Nhân viên ghi thu	092085003455; Ngày cấp 28/3/2017; Nơi cấp: Cục trưởng cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	63/8C, Khu vực 5, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	0	0%	Em rể
IV	Võ Anh Tuấn			Thành viên HĐQT	092066001613 Ngày cấp 13/12/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	123 đường Lê Thị Tạo, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	2.121	0,041%	
1	Nguyễn Thị Loan Anh			Không có			0	0%	Vợ
2	Võ Quang Trí			Không có			0	0%	Con
3	Võ Khánh Trân			Không có			0	0%	Con
4	Phạm Thị Thu Hà			Không có			0	0%	Mẹ

5	Võ Anh Kiệt		Không có			0	0%	Em
6	Võ Uyên Thy		Không có			0	0%	Em
7	Võ Thị Thu Trang		Không có			0	0%	Em
8	Lê Thanh Trúc		Không có	361331294 Ngày cấp 12/01/2010 Nơi cấp: CA Cần Thơ	Số 116, KV Tràng Thọ I, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	0	0%	Em dâu
9	Cao Phương Trinh		Không có	092177002000 Ngày cấp 29/05/2017 Nơi cấp: CA Cần Thơ	Số 116, KV Tràng Thọ I, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	0	0%	Em dâu
V	Lâm Nguyệt Thanh		Thành viên HĐQT	361841059 Ngày cấp: 02/01/2008, nơi cấp: CA Cần Thơ	1/12 Khu vực 7, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	115.800	2,18%	
1	Lâm Cảnh Chư		Không có			0	0%	Cha
2	Nguyễn Thị Siêu		Không có			0	0%	Mẹ
3	Nguyễn Ngọc Hào		Không có	Số 092059000949 cấp ngày 05/9/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	203 - KV 14, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, Tp Cần Thơ	0	0%	Ba chồng

4	Nguyễn Thị Mao		Không có	092160000633 ngày cấp 27/12/2016, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	203 - KV 14, P.Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, Tp Cần Thơ	0	0%	Mẹ chồng
5	Nguyễn Giang Thanh		Không có			0	0%	Chồng
6	Nguyễn Lâm Thiên Phúc		Không có			0	0%	Con
7	Nguyễn Lâm Thiên Hương		Không có			0	0%	Con
8	Lâm Nhật Tân		Không có			0	0%	Anh
9	Văn Thị Sóc Nâu		Không có	Số 083187000612 Cấp ngày 03/8/2018 Do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp	2/30 đường 3/2, phường Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%	Chị dâu
10	Lâm Nhật Quang		Không có			0	0%	Em
11	Bùi Thị Ngọc Hân		Không có	Số 092185006020 Cấp ngày 06/3/2020 Do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp	1B/12 Bùi Hữu Nghĩa, KV7, phường Bình Thủy, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	0	0%	Em dâu
12	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ			Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số	Số 2A, Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh	3.479.683	65,42%	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Cấp

				1800155244 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 31/8/2020	Kiêu, TP. Cần Thơ			thoát nước Cần Thơ
VI	Ngô Hồng Hạnh		Trưởng Ban Kiểm soát	361755261 Ngày cấp: 19/3/2015, nơi cấp: CA Cần Thơ	49 Đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%	
1	Phạm Văn Thọ		Không có			0	0%	Ba Chồng
2	Nguyễn Thị Cúc		Không có			0	0%	Mẹ chồng
3	Phạm Văn Thành		Không có			0	0%	Chồng
4	Phạm Thành Long		Không có			0	0%	Con
5	Ngô Thành Vũ		Không có	361385698, Ngày cấp 07/7/2009, Nơi cấp: Cần Thơ	Thới Thạnh, Thới Lai, TP.Cần Thơ	0	0%	Anh
6	Trần Thị Thu Trang		Không có	361696154, Ngày cấp 30/3/2011, Nơi cấp: Cần Thơ	Thới Thạnh, Thới Lai, TP.Cần Thơ	0	0%	Chị dâu
7	Ngô Ngọc Bích		Không có	093179000326, Ngày cấp 28/9/2018, Nơi cấp: Cần Thơ	38/37, Nguyễn Trãi, An Hội, Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	0	0%	Em

8	Trần Quang Duy		Không có	093079000206, Ngày cấp 20/9/2018, Nơi cấp: Cần Thơ	38/37, Nguyễn Trãi, An Hội, Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%	Em rể
9	Ngô Bích Ngọc		Không có	093180000117, Ngày cấp 26/4/2016, Nơi cấp: Cần Thơ	387E9, KV2, An Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ	0	0%	Em
10	Lê Vĩnh An		Không có	363767868, Ngày cấp 11/6/2010, Nơi cấp: Tỉnh Hậu Giang	387E9, KV2, An Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ	0	0%	Em rể
11	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ			Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1800155244 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 31/8/2020	Số 2A, Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	3.479.683	65,42%	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ
VII	Hoàng Văn Khiêm		Thành viên BKS	362055981 Ngày cấp 11/11/2011 Nơi cấp: CA TPCT	Số 3 đường số 3, KDC Diệu Hiền, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT	36.187	0,68%	
1	Võ Thị Thúy Hằng		Không có	362409251 Ngày cấp 20/4/2010 Nơi cấp: CA Cần Thơ	16 đường Phan Bội Châu, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TPCT	0	0%	Vợ

2	Hoàng Võ Thúy Hạnh		Không có		16 đường Phan Bội Châu, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TPCT	0	0%	Con
3	Hoàng Võ Thúy Hân		Không có		16 đường Phan Bội Châu, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TPCT	0	0%	Con
4	Hoàng Thị Cây		Không có			0	0%	Chị
5	Hoàng Thị Nhung		Không có			0	0%	Chị
6	Hoàng Văn Nghi		Không có			0	0%	Anh
7	Hoàng Thị Ngọc		Không có			0	0%	Chị
8	Hoàng Thế Vinh		Không có			0	0%	Anh
9	Hoàng Kim Liên		Không có			0	0%	Em
10	Hoàng Trung Chính		Không có			0	0%	Em
11	Võ Tấn Dũng		Không có		16 đường Phan Bội Châu, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TPCT	0	0%	Ba vợ
12	Trần Bé Bảy		Không có		16 đường Phan	0	0%	Mẹ vợ

13	Trần Công Đại			Không có					Số 12 Khu Ngân Long, phường Phước Kiến, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	0	0%	Anh rể
14	Trần Thị Sỹ			Không có					Số 99, Ấp Long An, Thị trấn Cần Giuộc, tỉnh Long An	0	0%	Chị dâu
15	Phạm Xuân Đỉnh			Không có					Khu Lưu Trọng Kiệt, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	0	0%	Anh rể
16	Phạm Văn Sướng			Không có					16 Tây Lân, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	0	0%	Em rể
VIII	Trương Thanh Hùng			Kiểm soát viên				092083000385 Cấp ngày: 7/7/2015, nơi cấp: Cục cảnh	12 Khu dân cư số 5 Đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh	0	0%	

1	Trương Văn Thuận			Không có								0	0%	Cha ruột
2	Hồ Hoàng Ứng			Không có								0	0%	Cha vợ
3	Võ Thị Tuyết Mai			Không có								0	0%	Mẹ vợ
4	Hồ Võ Giang Minh			Không có								0	0%	Vợ
5	Trương Hồ Bảo Phương			Không có								0	0%	Con
IX	Lê Thị Thanh Phượng			Kế toán trưởng								12.538	0,24%	
1	Lê Bình An			Không có								0	0%	Cha
2	Nguyễn Kim Nâu			Không có								0	0%	Mẹ
3	Ngô Văn Đông			Không có								0	0%	Cha chồng

					Bình Thủy TP. Cần Thơ				
4	Nguyễn Thị Quyên		Không có	360338475, cấp ngày 14/6/2012 do Công an thành phố Cần Thơ cấp	10/14 Nguyễn Truyền Thanh KV5 phường Bình Thủy, q. Bình Thủy TP. Cần Thơ	0	0%		Mẹ chồng
5	Ngô Hoàng Hợp		Không có	092078004318 ngày cấp 26/3/2019 nơi cấp Cục trưởng Cục Cảnh sát Quảng lý Hành chính về trật tự Xã hội.	10/14 Nguyễn Truyền Thanh KV5 phường Bình Thủy, q. Bình Thủy TP. Cần Thơ	0	0%		Chồng
6	Ngô Hoàng Khánh Bằng		Không có		10/14 Nguyễn Truyền Thanh KV5 phường Bình Thủy, q. Bình Thủy TP. Cần Thơ	0	0%		Con
7	Ngô Khánh Trân		Không có		10/14 Nguyễn Truyền Thanh KV5 phường Bình Thủy, q. Bình Thủy TP. Cần Thơ	0	0%		Con
8	Lê Thanh Tuấn		Không có	362412775, cấp ngày 31/8/2010 do Công an thành phố Cần Thơ	93C Nguyễn Thông, phường Bình Thủy, quận	0	0%		Em

9	Bùi Ánh Tuyết			Không có	362062870, cấp ngày 10/8/2013 do Công an thành phố Cần Thơ cấp	Bình Thủy thành phố Cần Thơ 93C Nguyễn Thông, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy thành phố Cần Thơ	0	0%		Em dâu			
10	Lê Phương Bình			Không có	361998901, cấp ngày 10/4/2008 do Công an thành phố Cần Thơ cấp	Phường Long Tuyền, quận Bình Thủy thành phố Cần Thơ	0	0%		Em			
X	Trần Minh Nhật			Người quản trị Công ty, Phụ trách công bố thông tin, Thư ký	361476511 Ngày cấp: 20/6/2007, nơi cấp: CA Cần Thơ	124/14A Phạm Ngũ Lão, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	1.240	0,023%					
1	Hồ Thúy Loan			Không có	361369708 Ngày cấp: 20/6/2007, nơi cấp: CA Cần Thơ	124/14A Phạm Ngũ Lão, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%		Vợ			
2	Trần Nhật Nam			Không có	092202003883, ngày cấp 14/08/2020, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	124/14A Phạm Ngũ Lão, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%		Con			
3	Trần An Nhiên			Không có		124/14A Phạm Ngũ Lão, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%		Con			

4	Lê Thị Huỳnh Mai		Không có	334470464, ngày cấp 01/11/2014, nơi cấp CA Trà Vinh	Áp Ngải I, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	0	0%		Chị
5	Trần Văn Lợi		Không có	092062000618 Cấp ngày: 04/11/2016, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	118/9/20 Trần Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%		Anh
6	Trần Thị Huỳnh Hoa		Không có	361261380 ngày cấp 22/02/2014, nơi cấp CA Cần Thơ	69A, Lê Hồng Phong, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	0	0%		Chị
7	Trần Văn Lộc		Không có	360964781, ngày cấp 27/11/2007, nơi cấp CA Cần Thơ	124/51, Phạm Ngũ Lão, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%		Anh
8	Lê Thị Thu Nguyệt		Không có	361261482, ngày cấp 05/12/2011, nơi cấp CA Cần Thơ	4/43 CMT8, , Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%		Chị
9	Nguyễn Thị Mỹ		Không có	860040678, ngày cấp 09/02/2009, nơi cấp CA Cần Thơ	124/1B, 51 Phạm Ngũ Lão, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%		Chị dâu
10	Bạch Ngọc Thu		Không có	360899529, cấp ngày 12/11/2008, nơi cấp CA Cần Thơ	118/9/20 Trần Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần	0	0%		Chị dâu

11	Nguyễn Hiệp			Không có	021826283, ngày cấp 22/10/2015, nơi cấp CA TP. HCM	Thơ 69A, Lê Hồng Phong, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	0	0%	Anh rể
12	Nguyễn Thị Mỹ			Không có	362333307, ngày cấp 14/11/2007, nơi cấp CA Cần Thơ	124/51, Phạm Ngũ Lão, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%	Chị dâu
13	Võ Phát Hưng			Không có	361421610, cấp ngày 30/5/2008, nơi cấp CA Cần Thơ	4/43 CMT8, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%	Anh rể
XI	Thái Minh Lực			Phó Giám đốc	362299038 Ngày cấp: 29/9/2006, nơi cấp: CA Cần Thơ	137/29 Lê Thị Hồng Gấm, P. Trà An, Q. Bình Thủy, TPCT	1.344	0,025%	
1	Thái Minh Nghị			Không có			0	0%	Cha
2	Nguyễn Thị Phương			Không có			0	0%	Mẹ
3	Phản Bá Việt			Không có			0	0%	Cha vợ
4	Trần Thị Trang			Không có			0	0%	Mẹ vợ
5	Phản Thị Huyền			Không có			0	0%	Vợ
6	Thái Hồ Ngọc Trúc			Không có			0	0%	Con

7	Thái Minh Đức		Không có		0	0%	Con
8	Thái Minh Phong		Không có		0	0%	Con
9	Thái Văn Lượng		Không có		0	0%	Em
10	Thái Minh Phương		Không có		0	0%	Em
11	Thái Văn Hồng		Nhân viên trực ca		0	0%	Em
12	Thái Thị Thu Hà		Không có		0	0%	Em
13	Thái Văn Hào		Không có		0	0%	Em
14	Nguyễn Trung Thông		Nhân viên ghi thu		0	0%	Em rể
15	Nguyễn Nam Giang		Không có		0	0%	Em rể
16	Nguyễn Thị Diễm Hằng		Không có		0	0%	Em dâu
17	Trần Thị Thu		Không có		0	0%	Em dâu

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:
Không.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT&TK;

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Hữu Lộc



Số:



Cần Thơ, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả giám sát đối với
Giám đốc và Ban điều hành năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2020;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2020. Kết quả như sau:

I. Phương pháp kiểm tra, giám sát

- Thông qua cuộc họp HĐQT hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất, HĐQT đã trao đổi trực tiếp và chất vấn các hoạt động của Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 24/4/2020.

- Giám đốc cũng trình bày các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá thực hiện kế hoạch kinh doanh và thảo luận, bàn bạc trực tiếp với HĐQT để đưa ra các giải pháp kịp thời và hiệu quả nhằm hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát Công ty để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Giám đốc và Ban điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.

- Các thành viên Ban Kiểm soát đều được mời tham dự họp HĐQT, thông qua đó, HĐQT và Ban điều hành có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của Ban Kiểm soát với tư cách là giám sát viên và đại diện của nhà đầu tư.

- HĐQT ban hành các Nghị quyết sau mỗi cuộc họp quý và bất thường để thông qua các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

II. Kết quả giám sát:

a. Ban điều hành Công ty đã thể hiện tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao trong công việc. Nhờ đó, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển ổn định, thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

- Trong quá trình điều hành, Ban điều hành đã tuân thủ đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, các quy chế nội bộ cũng như các quyết định của HĐQT Công ty.

b. Kết quả hoạt động điều hành của Giám đốc và Ban điều hành theo các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao:

b.1 Các chỉ tiêu cơ bản:

STT	Diễn giải	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)	
					Cùng kỳ	Kế hoạch năm 2020
1	2	3	4	5	6 =5/4	7=5/3
1	Sản lượng (m3)	8.315.000	7.916.336	8.562.234	108,16%	102,97%
2	Tổng doanh thu (tr.đồng)	63.000	60.654,11	65.044,93	107,24%	103,25%
	Sản xuất kinh doanh	63.000	59.958,16	65.044,93	108,48%	103,25%
	Khác	0	695,95	0,00		
3	Tổng LN trước thuế (tr.đồng)	20.100	19.550,47	20.505,71	104,89%	102,02%
	Sản xuất kinh doanh	20.100	19.200,85	20.505,71	106,80%	102,02%
	Khác	0	349,62	0,00		
4	Tổng LN sau thuế (tr.đồng)	15.778	15.608,67	17.545,16	112,41%	111,20%
	Sản xuất kinh doanh	15.778	15.328,98	16.276,35	106,18%	103,16%
	Khác	0	279,69	0,00		
	Thuế TNDN được giảm trong năm (30%)	0	0,00	1.268,81		
5	Lắp đặt (hộ)	2.000	2.246	2.165	96,39%	108,25%
6	Số lao động bình quân (người)	82	80	81	101,25%	98,78%
7	Tỷ lệ tồn thu (%)	0,40	0,12	0,13	+0,01%	-0,27%
8	Ghi thu lần đầu (%)	66,00	72,34	83,17	+10,83%	+17,17%
9	Tỷ lệ thất thoát (%)	<13,5	12,78	12,98	+0,02%	-0,52%

Đánh giá: các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch đề ra.

b.2 Đầu tư xây dựng cơ bản:

- Khối lượng đạt 103,63% kế hoạch.
- + Công trình triển khai đến tháng 12/2020 là 27,370 tỷ đồng
- + Tổng giá trị thanh toán đến tháng 12/2020 là 26,119 tỷ đồng.

Đánh giá: Trong năm Công ty đã hoàn thành nhiều công trình ưu tiên mở rộng mạng lưới cấp nước nhỏ trong vùng phục vụ và quyết toán các tuyến ống phân phối theo kế hoạch Nghị quyết đề ra.

c. Về quản trị doanh nghiệp:

- Tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng.
- Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về: công bố thông tin đối với Công ty đại chúng tại thị trường chứng khoán Upcom (mã CK: TOW); Hoàn thành báo cáo thường niên Công ty đúng qui định; Kế hoạch phòng chống tham nhũng; Hoàn thành công tác báo cáo, quyết toán thuế.

- Thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Hội đồng quản trị giao. Trong năm Công ty đã tập trung cải tiến thủ tục hành chính, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ từng bước nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, cụ thể:

- + Kết hợp cùng tư vấn hoàn thành hồ sơ tăng vốn Điều lệ Công ty.
- + Công ty ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong đó có việc áp dụng hình thức thanh toán trực tuyến cho hóa đơn tiền nước hàng tháng. Từ đó, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho khách hàng người dân quen dần với việc thanh toán qua các kênh thu hộ: VNPTPAY, Payoo, VNPAY, Ngân hàng VTB, VCB - TCT..., Trong năm Công ty đã ký kết hợp đồng với 07 đối tác thu hộ tiền nước; Kết quả đạt rất khả quan: không thu tiền mặt từ 01% lên 10% hoá đơn, doanh thu từ 30,77% lên 67,86%; thí điểm thu 1 lần khi ghi trung bình đạt 82,5%.

- Hoàn thành công tác báo cáo tài chính hàng quý và năm 2020, kê khai và nộp thuế đầy đủ và đúng qui định. Tiếp đoàn Thanh tra thuế từ năm 2017 đến 2019.

- Chuẩn bị tốt cho ĐHCĐ 2020 và họp Hội đồng quản trị hàng quý theo qui định.

- Trong năm đã chi trả cổ tức: 7.836.273.042 đồng
- + Công ty CP cấp thoát nước Cần Thơ: 5.219.524.500 đồng.
- + Cổ đông khác: 2.616.748.542 đồng.
- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh, tu bổ sửa chữa máy móc, hệ thống thiết bị, đảm bảo sản xuất nước liên tục ổn định 24/24; lượng nước phát ra đáp ứng về sản lượng lẫn chất lượng và áp lực nước. Xử lý kịp thời các sự cố. Chất lượng nước luôn đạt quy chuẩn hiện hành. Định kỳ hàng năm đo đạc môi trường làm việc.

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với Người lao động theo quy định của Nhà nước: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn..., mua bảo hiểm tai nạn; trang cấp đồ bảo hộ lao động, tiền trang phục; tổ chức khám sức khỏe định kỳ...

III. Kết luận

Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong năm 2020.

Bên cạnh đó cần lưu ý một số vấn đề sau: Xác định vấn đề con người, nhân sự là trung tâm. Từng bước áp dụng công nghệ thông tin vào chuyên môn và có kế hoạch củng cố bộ máy tổ chức sắp xếp nhân sự để đảm bảo hoạt động hiệu quả hơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thư ký Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Lộc



Số: 154/BC-BKS

Cần Thơ, ngày tháng năm 2021



BÁO CÁO VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ các quy định Pháp luật hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn;

Căn cứ vào thực tế kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS), kết quả cuộc họp BKS ngày 31/3/2021, Ban Kiểm soát nhất trí thông qua báo cáo hoạt động năm 2020 và chương trình công tác năm 2021, trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) với các nội dung cụ thể như sau:

Phần 1: Báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2020

I. Về Tổ chức

Hiện nay, BKS có 3 thành viên. Trong đó, có 1 thành viên chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm:

- Bà Ngô Hồng Hạnh - Thành viên chuyên trách, Trưởng Ban;
- Ông Trương Thanh Hùng - Thành viên kiêm nhiệm;
- Ông Hoàng Văn Khiêm - Thành viên kiêm nhiệm.

Hoạt động của Ban Kiểm soát tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

II. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), các cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất của Công ty;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và trong công tác kế toán của Cty;

- Kiểm tra, giám sát công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí và chất lượng nước sinh hoạt và khối lượng nước tiêu thụ;

- Thực hiện công tác thẩm định các Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán của năm;

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và của Giám đốc trong việc thực hiện pháp luật Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Giám sát, kiểm tra việc công bố thông tin cho các cơ quan chức năng của Công ty phải kịp thời, đầy đủ và trung thực theo quy định pháp luật;

- Giữ mối liên lạc trong BKS, giữa BKS với HĐQT và Ban Giám đốc;

III. Thù lao, chi phí hoạt động của BKS

Không có chi phí hoạt động phát sinh ngoài lương và thù lao, và được báo cáo chi tiết trong báo cáo thù lao của HĐQT cùng với Tổ Thư ký,

1. Lương Trưởng Ban: Hưởng lương chuyên trách.

2. Thù lao 2 thành viên kiêm nhiệm: 75.600.000 đồng/năm.

IV. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS

Giữa 02 kỳ đại hội, BKS có 02 phiên họp: không có kiến nghị và có kết luận nhất trí cao trong 3/3 thành viên BKS, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 24/7/2020, BKS thông qua Báo cáo tài chính (BCTC) quý 2 và Bán niên năm 2020 của Công ty và cùng có ý kiến thống nhất với BCTC đã được phát hành;

- Lần 2: Ngày 31/3/2021, BKS cùng thống nhất các vấn đề sau:

+ Kết quả thẩm định BCTC năm 2020 của Công ty và đã được kiểm toán độc lập phát hành (đính kèm *Báo cáo thẩm định của BKS*);

+ Đề xuất và kiến nghị ĐHCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty (đính kèm *Tờ Trình của BKS*);

+ Thông qua kết quả Thẩm định Quỹ lương thực hiện và kế hoạch;

+ Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020.

V. Kết quả kiểm soát

1. Công tác giám sát tình hình hoạt động của Công ty

Sau khi hợp nhất thành Công ty CP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn, được kế thừa và tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo cũng như điều hành của Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc cho các hoạt động sản xuất kinh doanh từ trước, Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, hoạt động đúng theo Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Công ty đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật về chế độ kế toán thuế là đã thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước,

- Báo cáo tài chính lập đúng quy định về biểu mẫu theo quy định của Bộ tài chính và được kiểm tra, kiểm toán đã phù hợp với các chuẩn mực kế toán hiện hành,

- Tiếp tục sắp xếp một số vị trí công tác phù hợp với tình hình hoạt động hiện tại nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và người lao động của Công ty;

- Đảm bảo tuân thủ quy định chế độ báo cáo thông tin đối với Công ty đại chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

2. Công tác giám sát, kiểm tra về tài chính của Công ty

2.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020

Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty AISC và là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm đủ đảm bảo chất lượng, yêu cầu và tiến độ kiểm toán BCTC.

Theo số liệu của Công ty kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC) phát hành ngày 16/3/2020 và thực báo cáo của Công ty,

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện
1	Sản lượng	M3	8.562.234
2	Doanh thu	Ti đồng	65,044
3	Vốn điều lệ	Ti đồng	53,188
4	Lợi nhuận trước thuế	Ti đồng	20,505
5	Lợi nhuận sau thuế	Ti đồng	17,545
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	27,03
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	32,99
8	Lao động	Người	81
9	Tỷ lệ chia cổ tức (chưa bao gồm cổ phiếu phát hành thêm)	%	18
10	Lương bình quân	Triệu đồng	11,25

2.2. Báo cáo tài chính năm 2020

BCTC năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM và được BKS thẩm định theo đúng quy định, sẽ được công bố thông tin cho cổ đông và cơ quan chức năng, BKS Công ty nhất trí các số liệu trên báo cáo

tài chính cũng như các đánh giá của Công ty và Tổ chức kiểm toán. Sau đây là một số chỉ tiêu chính trong năm 2020 mà công ty đã đạt được:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện
1	Tổng tài sản	Tỉ đồng	152,536
2	Nợ phải trả	Tỉ đồng	36,386
3	Nguồn vốn Chủ sở hữu	Tỉ đồng	116,150
4	Tổng doanh thu	Tỉ đồng	65,044
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	20,505
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỉ đồng	17,545

3. Công tác giám sát đối với hoạt động HĐQT

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm quản lý của mình, hoạt động theo đúng chức năng, phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- HĐQT đã tổ chức các buổi họp thường kỳ bằng hình thức tập trung và đảm bảo đạt đầy đủ thành phần và phần trăm tham dự, cũng như đạt chất lượng về nội dung và thời gian;

- Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành đúng trình tự thủ tục tuân thủ thẩm quyền và nội dung định hướng sát với tình hình phát triển thực tế của Công ty.

4. Công tác giám sát đối với hoạt động của Giám đốc và các người điều hành khác của Công ty (Cán bộ quản lý)

- Ban Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, tuân thủ các Nghị quyết của HĐQT, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, đề xuất, ban hành và sửa đổi kịp thời các quy chế gắn liền với các hoạt động của Công ty;

- Duy trì thường xuyên lịch họp giao ban và đối thoại tại doanh nghiệp đúng theo thành phần có liên quan tham dự đầy đủ, nội dung và kết luận phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và các cổ đông

- Trong năm 2020, giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và các cổ đông đã cơ bản duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ và tuân thủ Điều lệ và các quy định của pháp luật, trên nguyên tắc đảm bảo vì lợi ích của cổ đông;

- HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để giám sát kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của công ty để đóng góp ý kiến với Giám đốc cùng Ban điều hành, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết đã đề ra. Với tư cách là giám sát viên và đại diện của cổ đông, các thành viên Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, thông qua đó, BKS có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HĐQT và Ban điều hành;

- Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông;

- BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% cổ phần trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

V. Kết luận

BKS thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá và báo cáo cho ĐHCĐ các hoạt động của công ty trong suốt nhiệm kỳ của đại hội. Trong năm 2020,

- Ban Kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

- Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục hỗ trợ cho các đối tượng trên địa phương đúng chỉ đạo của các cơ quan chức năng theo quy định phòng chống dịch. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì các chỉ tiêu tài chính chủ yếu được ổn định với mức tăng trưởng theo đặc thù của ngành và đạt vượt so kế hoạch năm.

- HĐQT cùng Ban điều hành đã chỉ đạo đúng đắn trong mọi hoạt động của Công ty góp phần thực hiện vượt trội các chỉ tiêu của Nghị quyết đã đề ra và đã mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh, cũng đồng nghĩa việc mang lại lợi ích cho cổ đông bằng cổ tức sẽ được phân phối trong năm;

- Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung, số liệu báo cáo của HĐQT, Ban Giám đốc trình ĐHCĐ thường niên về kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và kế hoạch hoạt động, sản xuất kinh doanh năm 2021.

Phần 2: Chương trình thực hiện công tác kiểm soát năm 2021

* Trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành với sự vận dụng trung thực và trách nhiệm, Ban Kiểm soát cùng thống nhất thực hiện chương trình hoạt động năm 2021 của Ban như sau:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và của Giám đốc tại Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện Điều lệ của Công ty (Giám sát việc thực hiện tăng vốn Điều lệ theo quy định, xây dựng phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO, các hoạt động thường niên cũng như các hoạt động phát sinh khác,...);

- Kiểm tra, rà soát việc thực hiện, và sửa đổi bổ sung các quy định đúng theo quy định pháp luật hiện hành;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện và chấp hành các quy trình khi mua vật tư, hàng hóa dịch vụ, tu bổ sửa chữa; việc quản lý vật tư hàng hóa, công nợ, chi phí và đầu tư của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm ẩn hoặc thiếu sót không mong muốn, từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc kịp thời điều chỉnh;

- Kiểm tra, giám sát công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí và chất lượng nước sinh hoạt và khối lượng nước tiêu thụ;

- Thẩm định các Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán;

- Giám sát, kiểm tra việc công bố thông tin của Công ty phải kịp thời, đầy đủ và trung thực theo quy định pháp luật;

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và các cuộc họp thường kỳ của Công ty.

* Các thành viên Ban Kiểm soát căn cứ vào Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát, Quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban Kiểm soát và các quy định pháp luật hiện hành để làm cơ sở thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá của mình, đồng thời có báo cáo về Trưởng Ban Kiểm soát nhằm thống nhất ý kiến chung và mang lại kết quả tốt nhất.

* Hình thức báo cáo, kiến nghị cho ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Giám đốc trong quá trình kiểm soát:

- Bằng văn bản cho ĐHĐCĐ;

- Bằng hình thức trao đổi trực tiếp và bằng văn bản cho HĐQT cùng Ban Giám đốc.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát trong năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2021, kính trình quý cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;

- HĐQT;

- Ban GD;

- Lưu: BKS, Tổ thư ký, P. NV.

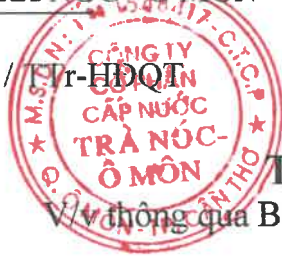
TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Ngô Hồng Hạnh

Số: — / Tr-HĐQT

Cần Thơ, ngày tháng năm 2021



TỜ TRÌNH

Về thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp Nước Trà Nóc - Ô Môn.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Nước Trà Nóc - Ô Môn;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học TP.HCM (AISC).

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán theo qui định, đồng thời sẽ được đăng trên Website của Công ty (www.tranoc-omonwaco.com.vn):

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trên BCTC đã kiểm toán năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Tổng tài sản	Đồng	152.536.733.858
2	Nợ phải trả	Đồng	36.386.528.783
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	116.150.205.075
4	Doanh thu thuần	Đồng	64.906.428.699
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	20.505.713.601
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	17.545.155.930

Kết luận của AISC báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thư ký Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Lộc

Số: / TT-TNOM

Cần Thơ, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp Nước Trà Nóc - Ô Môn.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Nước Trà Nóc - Ô Môn;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020, Tổng lợi nhuận sau thuế: 17.547.625.530 đồng, trong đó Thuế TNDN được giảm 30% trong năm là 1.267.750.000 đồng;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT.TNOM đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2020, như sau:

STT	Chi tiêu	Nghị quyết 2020		Đề nghị phân phối	
		Tỷ lệ	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
1	Cổ tức năm 2020: 1.800 đồng/cổ phần trước khi tăng vốn điều lệ; hay 1.200 đồng/cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ	50,56%	7.978.051.500	54,56%	9.573.661.800
2	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Thư ký	1,5%	236.670.000	1,5%	263.214.383
3	Quỹ thưởng của Người quản lý trực tiếp	1,5%	236.670.000	0,0%	0 (đã trích quỹ thưởng năng suất)
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Người lao động	14,73%	2.323.475.489	0,80%	140.099.932
5	Quỹ đầu tư phát triển	30%	4.733.400.000	30%	5.264.287.659
6	Lợi nhuận chưa phân phối		831.170.899		2.867.799.644
	- Năm 2020		269.733.011		2.306.361.756
	- Năm 2019		298.667.014		298.667.014
	- Năm 2018		262.770.874		262.770.874

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thống nhất các vấn đề sau:

+ Chi trả cổ tức năm 2020: thực hiện qua hình thức chuyển khoản hoặc chi trả tiền mặt trực tiếp tại Công ty.

+ Đồng thời, ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực hiện các thủ tục cần thiết để chi trả cổ tức.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thư ký Công ty;
- Lưu VT.

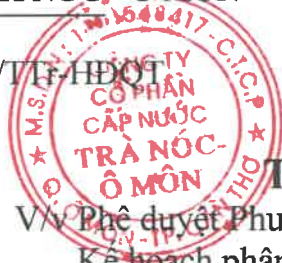
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Lộc



Số: _____/TT-HĐQT

Cần Thơ, ngày tháng năm 2021



TỜ TRÌNH

V/v Phê duyệt Phương án sản xuất kinh doanh và
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 24/4/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021, như sau:

1. Phương án sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	9.000.000
2	Doanh thu	Triệu đồng	68.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	21.000
4	Số hộ đấu nối	Hộ	1.500
5	Tỷ lệ thất thoát	%	12,5

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ
1	Quỹ đầu tư phát triển	≤ 30% lợi nhuận sau thuế.
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	≤ 15% Lợi nhuận sau thuế hoặc tối đa 03 tháng lương.
3	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Thư ký	1,5% Lợi nhuận sau thuế;
4	Người quản lý trực tiếp	1,5 tháng lương của BDH hoặc tối đa 1,5% Lợi nhuận sau thuế
5	Dự kiến chia cổ tức	1.200 đồng/cổ phần: chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
6	Lợi nhuận chưa phân phối	Còn lại.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thư ký Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: _____/TT-HĐQT

Cần Thơ, ngày tháng năm 2021



TỜ TRÌNH

**V/v chi trả tiền lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020
và kế hoạch năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 24 tháng 4 năm 2020 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Thư ký trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thảo luận về chi trả tiền lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2020 và kế hoạch năm 2021:

I. Chi trả tiền lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020:

1. Tiền lương Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát năm 2020:

- Tổng tiền lương thành viên HĐQT kiêm Giám đốc: 386.880.000 đồng.
- Tổng tiền lương thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc: 355.680.000 đồng.
- Tổng tiền lương Trưởng Ban kiểm soát: 355.680.000 đồng.

2. Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020:

- Chủ tịch HĐQT: 74.400.000 đồng.
- + Mức thù lao của các thành viên HĐQT còn lại là 201.600.000 đồng (xem chi tiết phụ lục số 01).

- Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách.

- + Mức thù lao 02 thành viên BKS là: 75.600.000 đồng/năm (xem chi tiết phụ lục số 01).



- Mức thù lao Thư ký (Người Quản trị Công ty), Trợ lý Thư ký là: 60.000.000 đồng/năm (xem chi tiết phụ lục số 01).

2. Tiền thưởng năm 2020:

Tiền thưởng căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 24/4/2020 và theo Tờ trình “Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020” trình trong ĐHĐCĐ thường niên 2020.

II. Kế hoạch tiền thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2021:

1. Tiền lương Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát năm 2021:

- Tổng tiền lương thành viên HĐQT kiêm Giám đốc: 372.000.000 đồng.
- Tổng tiền lương thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc: 342.000.000 đồng.
- Tổng tiền lương Trưởng Ban kiểm soát: 342.000.000 đồng.

2. Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2021:

- Chủ tịch HĐQT: 74.400.000 đồng.
 - + Mức thù lao của các thành viên HĐQT còn lại là 201.600.000 đồng (xem chi tiết phụ lục số 02).
- Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách.
 - + Mức thù lao 02 thành viên BKS là: 75.600.000 đồng/năm (xem chi tiết phụ lục số 02).
- Mức thù lao Thư ký (Người quản trị Công ty), Trợ lý và Thư ký là: 60.000.000 đồng/năm (xem chi tiết phụ lục số 02).

Ghi chú: Thù lao được chi trả 100% nếu đảm bảo sản lượng nước tiêu thụ đạt kế hoạch năm 2021.

2. Tiền thưởng dự kiến năm 2021:

Tiền thưởng căn cứ theo Tờ trình “Phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021” trình trong ĐHĐCĐ thường niên 2021.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thư ký Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Lộc





PHỤ LỤC SỐ 01

CÁCH TÍNH THÙ LAO NĂM 2020

(Đính kèm tờ trình số /TTr-HĐQT V/v chi trả tiền thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2021)

1. Thành viên Hội đồng Quản trị:

- Mức thù lao Chủ tịch HĐQT bằng 20% mức lương của Giám đốc điều hành Công ty;
- Mức thù lao Thành viên HĐQT bằng 20% mức lương của Phó Giám đốc (Công ty hạng 2);

Stt	Đối tượng	Số người	Mức thù lao 01 người/ tháng	Tổng mức thù lao 01 tháng	Tổng mức thù lao 01 năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	6.200.000 đ	6.200.000 đ	74.400.000 đ
2	Thành viên HĐQT	4	4.200.000 đ	16.800.000 đ	201.600.000 đ
	Tổng cộng	5		24.600.000đ	276.000.000 đ

2. Thành viên Ban Kiểm soát:

- Mức thù lao Thành viên BKS bằng 15% mức lương của Phó Giám đốc;

Stt	Đối tượng	Số người	Mức thù lao 01 người/ tháng	Tổng mức thù lao 01 tháng	Tổng mức thù lao 01 năm
1	Thành viên BKS	2	3.150.000 đ	6.300.000 đ	75.600.000 đ
	Tổng cộng	2		6.300.000đ	75.600.000 đ

3. Thư ký:

Stt	Đối tượng	Số người	Mức thù lao 01 người/ tháng	Tổng mức thù lao 01 tháng	Tổng mức thù lao 01 năm
1	Thư ký	1	3.150.000 đ	3.150.000 đ	37.800.000 đ
2	Trợ lý thư ký	1	1.850.000 đ	1.850.000 đ	22.200.000 đ
	Tổng cộng	2		4.600.000đ	60.000.000 đ



PHỤ LỤC SỐ 02

KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2021

(Đính kèm tờ trình số /TTr-HĐQT V/v chi trả tiền thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 202...)

1. Thành viên Hội đồng Quản trị:

- Mức thù lao Chủ tịch HĐQT bằng 20% mức lương của Giám đốc điều hành Công ty;
- Mức thù lao Thành viên HĐQT bằng 20% mức lương của Phó Giám đốc (Công ty hạng 2);

Stt	Đối tượng	Số người	Mức thù lao 01 người/ tháng	Tổng mức thù lao 01 tháng	Tổng mức thù lao 01 năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	6.200.000 đ	6.200.000 đ	74.400.000 đ
2	Thành viên HĐQT	4	4.200.000 đ	16.800.000 đ	201.600.000 đ
	Tổng cộng	5		24.600.000đ	276.000.000 đ

2. Thành viên Ban Kiểm soát:

- Mức thù lao Thành viên BKS bằng 15% mức lương của Phó Giám đốc;

Stt	Đối tượng	Số người	Mức thù lao 01 người/ tháng	Tổng mức thù lao 01 tháng	Tổng mức thù lao 01 năm
1	Thành viên BKS	2	3.150.000 đ	6.300.000 đ	75.600.000 đ
	Tổng cộng	2		6.300.000đ	75.600.000 đ

3. Thư ký:

Stt	Đối tượng	Số người	Mức thù lao 01 người/ tháng	Tổng mức thù lao 01 tháng	Tổng mức thù lao 01 năm
1	Thư ký	1	3.150.000 đ	3.150.000 đ	37.800.000 đ
2	Trợ lý thư ký	1	1.850.000 đ	1.850.000 đ	22.200.000 đ
	Tổng cộng	2		4.600.000đ	60.000.000 đ

Số: /TT-BKS

Cần Thơ, ngày tháng năm 2021



TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 1 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn sửa đổi lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông, thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2018,

Góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn thực hiện đúng với quy định của pháp luật hiện hành, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2021 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Các loại Báo cáo tài chính cần kiểm toán:

- Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng);
- Báo cáo tài chính năm.

2. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán BCTC.
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

3. Đề xuất:

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như trên và xét kết quả thực hiện công tác kiểm toán năm 2020, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông tiếp tục lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và



Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC) để thực hiện công tác kiểm toán cho năm tài chính 2021.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- BGD;
- Lưu: BKS, Tổ Thư ký, P.NV.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Ngô Hồng Hạnh



Số: /TT-HĐQT

Cần Thơ, ngày tháng năm 2021



TỜ TRÌNH

V/v thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Căn cứ Luật Chứng Khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thống nhất sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát như sau:

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
1	Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/4/2018.	Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
2	Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 23/4/2018.	Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31



3	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	<p>tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
4	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, ban hành theo Quyết định ngày 05/9/2017 của Ban Kiểm soát	<p>Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Lộc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

(Thực hiện theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông ngày 27/4/2021)

Cần thơ, ngày 27 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	3
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	3
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	3
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	4
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	4
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 5	
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	5
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 12. Quyền của cổ đông	6
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	7
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	12
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 15	
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	17

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	27
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	27
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 34. Người điều hành Công ty	28
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	28
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	29
Điều 36. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên	29
Điều 37. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát	30
Điều 38. Quyền của Ban kiểm soát	30
Điều 40. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát	31
Điều 41. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	31
Điều 41. Miễn nhiệm, cách chức Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên	32
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	34
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	34
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	35
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	35
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	35

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	36
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 48. Năm tài chính.....	36
Điều 49. Chế độ kế toán	36
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	37
Điều 51. Báo cáo thường niên	37
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	37
Điều 52. Kiểm toán.....	37
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	37
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	37
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	38
Điều 54. Giải thể công ty.....	38
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	38
Điều 56. Thanh lý	38
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	39
Điều 58. Điều lệ công ty	39
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	40
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm ...

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.



CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **TRANOC-OMON WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **TRANOC-OMONWACO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: **Lô 12A, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ.**

- Điện thoại: **(0292) 3843392, 6532533**

- Fax: **(0292) 3744126**

- E-mail: **capnuoctranoc.omon@gmail.com**

- Website: **http://tranoc-omonwaco.com.vn/**

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật: [Chủ tịch Hội đồng quản trị].

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

S/TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<i>Chi tiết: Sản xuất nước sinh hoạt, kinh doanh nước sinh hoạt</i>	(Chính)
2	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí <i>Chi tiết: Thi công công trình cấp thoát nước</i>	4322

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Đáp ứng nhu cầu dùng nước sạch của Thành phố Cần Thơ, trên địa bàn được giao.
- Kinh doanh có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, đảm bảo hài hòa lợi ích các bên.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **79.781.500.000** đồng (*Bảy mươi chín tỷ bảy trăm tám mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **7.978.150** (*Bảy triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn một trăm năm mươi*) cổ phần với mệnh giá là 10.000VNĐ/cổ phần (Mười nghìn Việt Nam đồng).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty được hợp nhất từ Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn nên không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua

hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn [...] kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng

vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.



CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên [hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty] có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản

này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

[Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác]

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không

bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác];
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác];

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn]. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn] (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời

họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đōng có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đōng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đōng hoặc nhóm cổ đōng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đōng cổ đōng. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp [trừ trường họp Điều lệ công ty có quy định khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đōng, số lượng từng loại cổ phần của cổ đōng, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đōng cổ đōng có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường họp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đōng hoặc nhóm cổ đōng không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đōng cổ đōng;
- d) Các trường họp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đōng cổ đōng phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường họp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đōng cổ đōng chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đōng cổ đōng

1. Cuộc họp Đại hội đōng cổ đōng được tiến hành khi có số cổ đōng dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết hoặc tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

2. Trường họp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất [nếu Điều lệ công ty không quy định khác]. Cuộc họp Đại hội đōng cổ đōng lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đōng dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định].

3. Trường họp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn

[20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, [nếu Điều lệ công ty không quy định khác]. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác]. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số

những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định]:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) [Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định].

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định].

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp [nếu Điều lệ công ty không có quy định khác].



2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn]. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định] và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì

lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là [...] người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa



thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

[Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp], cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 05 người, Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

[Đối với công ty niêm yết] Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31

tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.]

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị [theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty]. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) [Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định].

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường

hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp [nếu Điều lệ công ty không có quy định khác]. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.] Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty].

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và [các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm]. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và [người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty].

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty].

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, [Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị].

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Căn cứ quy mô của công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên, trong đó có Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại công ty đó. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Một cá nhân có thể đồng thời được bổ nhiệm làm Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của không quá 04 doanh nghiệp nhà nước.

3. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;



b) Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; thành viên Hội đồng thành viên của công ty; Chủ tịch công ty; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của công ty;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 37. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;

b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty;

c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty;

d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của công ty;

đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan;

g) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;

h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên;

i) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ công ty.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và chi trả.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này

Điều 38. Quyền của Ban kiểm soát

1. Tham gia các cuộc họp Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành công ty.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty.

4. Yêu cầu người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

6. Quyền khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 39. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

3. Ban kiểm soát họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát.

4. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 40. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

5. Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng thời yêu cầu Kiểm soát viên chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện Kiểm soát viên đó vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao.

6. Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, Kiểm soát viên khác và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a) Phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

b) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ công ty.

7. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 41. Miễn nhiệm, cách chức Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 103 của Luật này;

b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;

c) Được cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;

d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên quy định tại Luật này và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [...%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản



trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [...] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [...] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. [Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên].

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải

thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc **Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam**.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty chính thức hoạt động vào ngày 01/8/2017 sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông lần đầu thống nhất và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm 2017.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu [06 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [...] ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu [...] chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm [21 Chương, 59 Điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Hữu Lộc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC TRÀ NÓC- Ô MÔN

(Thực hiện theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông ngày 27/4/2021)

Cần thơ, ngày 27 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Giải thích thuật ngữ.....	1
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	2
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;.....	5
Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;.....	6
Điều 8. Cách thức bỏ phiếu;.....	6
Điều 9. Cách thức kiểm phiếu;.....	7
Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu;	7
Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;	7
Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	8
Điều 15. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản.....	10
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 17. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 18. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;.....	12
Điều 19. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty	13
Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 23. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 24. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 25. Thông báo họp Hội đồng quản trị	16
Điều 26. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	17

Điều 27. Cách thức biểu quyết.....	18
Điều 28. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	19
Điều 29. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị.....	19
Điều 30. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.....	19
Điều 31. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.....	20
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị Công ty.....	20
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT.....	20
Điều 33. Quyền của Ban Kiểm soát.....	21
Điều 34. Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	21
Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban Kiểm soát.....	22
Điều 36. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát.....	22
Điều 37. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.....	22
Điều 38 Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát.....	23
Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	23
Điều 40. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	23
CHƯƠNG IV. GIÁM ĐỐC.....	23
Điều 41 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	23
Điều 42. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.....	24
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC,.....	24
Điều 43. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.....	24
Điều 44. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.....	25
Điều 45. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	25
Điều 46. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	25
Điều 47. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.....	26
Điều 48. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	26
Điều 49. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.....	26
CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC:.....	29

Điều 50. Đánh giá hoạt động đối với Cán bộ quản lý	29
Điều 51. Khen thưởng	29
Điều 52. Kỷ luật	30
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	31
Điều 53. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	31
CHƯƠNG IX. NGÀY HIỆU LỰC	31
Điều 54. Ngày hiệu lực	31

PHIẾU NHẬN ĐÓNG CHỮ

Cần Thơ, ngày 27 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC- Ô MÔN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Trà Nóc – Ô Môn)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 27 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan;

Quy Chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:

a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn;

b. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;

c. “HĐQT”: Hội đồng quản trị;

e. “BKS”: Ban Kiểm soát.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Quản trị Công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;

- Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và những người có liên quan;

- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

b. “Công ty đại chúng” là Công ty Cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán;

c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

d. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

đ. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Giám đốc;

e. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

g. “Thành viên độc lập” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

h. Người phụ trách quản trị Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- đ. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 8. Cách thức bỏ phiếu;

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số

thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu;

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác

Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của ĐHCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của Luật chứng khoán.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

PHÒNG QUẢN LÝ VÀ CHỨNG KHOÁN

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:



- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Các vấn đề đã được thông qua;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- Định hướng phát triển Công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định,
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

11/01/2009/21

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 17. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 18. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.

d) Đối với Công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 19. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- đ. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số

phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- đ. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- h. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- i. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo được thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Điều 23. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;

- Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Điều 24. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị];

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị;

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày

làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- đ. Các trường hợp khác (nếu có).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội



đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

4. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

5. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 27. Cách thức biểu quyết

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

a. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 47 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

b. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 28. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 29. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 30. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản

Điều 31. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

4. Tham dự các cuộc họp;

5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. Quyền của Ban Kiểm soát

1. Tham gia các cuộc họp Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành công ty;

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

3. Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty;

4. Yêu cầu người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

5. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

6. Quyền khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 34. Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau đây:

- a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;
- b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty;
- c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty;
- d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của công ty;
- đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;
- e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan;
- g) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;

h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên;

i) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ công ty.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và chi trả.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 36. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban Kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;

b) Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; thành viên Hội đồng thành viên của công ty; Chủ tịch công ty; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của công ty;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 37. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát tương tự bầu thành viên HĐQT và phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 103 của Luật này;
 - b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;
 - c) Được cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;
 - d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị cách chức trong trường hợp sau đây:
 - a) Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên quy định tại Luật này và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 40. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC

Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc;
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao;

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 42. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

1. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;

2. Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 43. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên HĐQT.

Trưởng BKS cử thành viên của Ban tham dự các cuộc họp của HĐQT. Kiểm soát viên dự họp có thể tham gia thảo luận, nhưng không tham gia biểu quyết.

Chủ tịch HĐQT sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Trưởng BKS trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp HĐQT.

2. Khi cần thiết, Trưởng BKS có thể mời một số thành viên HĐQT (thông qua Chủ tịch HĐQT) và thành viên Ban Giám đốc (Thông qua Giám đốc) tham gia cuộc họp của

BKS để thảo luận những vấn đề liên quan. Thư mời này có đủ nội dung cần thiết, được chuyển đến người được mời ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Trưởng BKS sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho HĐQT và Giám đốc trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Khi cần thiết, Giám đốc có thể mời một số thành viên HĐQT (thông qua Chủ tịch HĐQT) và Kiểm soát viên (thông qua Trưởng BKS) tham gia cuộc họp của Ban Giám đốc để thảo luận những vấn đề liên quan. Thư mời này có đầy đủ nội dung cần thiết, được chuyển đến người được mời ít nhất 03 ngày làm việc trước cuộc họp. Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho HĐQT và Trưởng BKS trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 44. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát

Các văn bản Nghị quyết HĐQT sẽ được chuyển đến Trưởng BKS và Ban Giám đốc trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 45. Các trường hợp Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của đa số Kiểm soát viên;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.
2. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

Điều 46. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) hoặc khi có yêu cầu bằng văn bản.

2. Khi cần thiết, HĐQT có quyền (thông qua truyền đạt của Giám đốc) yêu cầu các thành viên Ban Giám đốc và Trưởng, Phó phòng ban Công ty báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.



Điều 47. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

1. Hội đồng quản trị áp dụng cách thức tự phê bình và phê bình trong Công ty, qua đó Giám đốc tự nhận thấy ưu nhược điểm để ngày càng nâng cao công tác quản lý.

2. Kiểm điểm theo nội dung, quá trình thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng quản trị phân công, tinh thần trách nhiệm, kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 48. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty, kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

Báo cáo hoạt động điều hành Công ty, trong đó có cung cấp chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty.

Vào ngày 15 tháng 11 hàng năm. Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính kế tiếp.

Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

Kiến nghị số lượng Cán bộ quản lý, các chức danh khác mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, tư vấn để HĐQT quyết định chính sách về công tác Cán bộ quản lý.

Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, chính sách và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động.

Chuẩn bị và trình để HĐQT thông qua các bản dự toán dài hạn, hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh) phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.

Tất cả thông tin, báo cáo đều được thực hiện bằng văn bản chuyển đến Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS.

Điều 49. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Các thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc kịp thời trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc đúng Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc và kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Các thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi người.

Trường hợp cấp bách, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp gỡ, điện thoại hoặc email) để được giải quyết một cách hiệu quả.

1. Quan hệ phối hợp công việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát

- HĐQT và BKS đều là cơ quan quản trị của Công ty. Quan hệ giữa HĐQT và BKS là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và kiểm soát tính tuân thủ.

- Tất cả Nghị quyết, quyết định của HĐQT và các văn bản có tính chất quản trị chung do HĐQT ban hành đều được gửi đến BKS.

- HĐQT tôn trọng quyền của BKS trong công tác kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty, cũng như kiểm tra đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro theo chức năng, nghĩa vụ và quyền hạn tại Điều 33 của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Quan hệ phối hợp công việc giữa HĐQT với Giám đốc và Cán bộ quản lý

a. HĐQT là cơ quan quản lý, chỉ đạo, giám sát Giám đốc và Cán bộ quản lý trong công tác điều hành hoạt động của Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. HĐQT thực hiện quyền quản lý, giám sát bằng các Nghị quyết chỉ đạo thông qua hoạt động giám sát và hoạt động báo cáo của Giám đốc.

b. Quan hệ phối hợp công việc giữa HĐQT với Giám đốc:

- HĐQT không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Giám đốc. Hàng năm, HĐQT - thành viên được phân công là người đại diện vốn của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của HĐQT để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Ngoài những công việc phải trình HĐQT, Giám đốc có quyền chủ động quyết định điều hành hoạt động của Công ty theo phân cấp và phù hợp với Điều lệ Công ty.

- Giám đốc phải thực hiện báo cáo HĐQT theo đúng quy chế báo cáo của Điều lệ Công ty.

- Các cuộc họp chuẩn bị các đề án hoặc xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác,... thuộc thẩm quyền của HĐQT do Giám đốc trình HĐQT phải mời thành viên HĐQT tham gia.

- Đối với các cuộc khảo sát trong và ngoài nước, việc đàm phán, ký kết hợp đồng có liên quan đến thẩm quyền trách nhiệm của HĐQT hoặc phải trình HĐQT quyết định thì Giám đốc có trách nhiệm báo cáo để Chủ tịch HĐQT dự hoặc cử thành viên tham dự để HĐQT thực hiện việc quản lý, chỉ đạo hoặc tư vấn.

- Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời Công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể:

+ Những cuộc họp đặc biệt quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển chung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của

Công ty thì Chủ tịch HĐQT và Giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau trong thời gian sớm nhất có thể.

+ Những cuộc họp liên quan đến chủ trương chính sách có tính chất trước mắt hoặc điều hành thì Giám đốc hoặc Phó Giám đốc tham dự, sau đó báo cáo lại cho Giám đốc và thông báo lại cho Chủ tịch HĐQT biết.

c. Quan hệ công việc giữa HĐQT với Cán bộ quản lý:

- Mọi quan hệ giữa HĐQT và Cán bộ quản lý là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và điều hành công việc hàng ngày. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, HĐQT tạo điều kiện để Cán bộ quản lý thực hiện tốt chức năng của mình. Cán bộ quản lý tạo điều kiện cần thiết để các thành viên HĐQT thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

- Phòng Nghiệp vụ Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi, đến của HĐQT theo quy định hiện hành về công tác văn thư, lưu trữ của Công ty.

- Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của tổ chức, cá nhân khác gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến HĐQT phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.

- Các văn bản, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký sổ HĐQT và bản lưu tại văn thư phải được quản lý riêng.

- HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và thực hiện các giao dịch với các tổ chức, cá nhân ngoài Công ty.

- HĐQT sử dụng các phòng ban chức năng hoặc các nhân viên khác trong Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc phải được HĐQT phê chuẩn, HĐQT yêu cầu Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng đề xuất và chuẩn bị phương án, tài liệu.

3. Quan hệ phối hợp công việc giữa BKS với các Cán bộ quản lý và các đơn vị

- Quan hệ phối hợp công việc với cán bộ quản lý:

+ Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

+ Giám đốc Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu bằng văn bản của BKS, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

- Quan hệ phối hợp làm việc với các đơn vị: Cán bộ, công nhân viên các đơn vị phải cung cấp tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác kiểm soát cho BKS (theo yêu cầu bằng văn bản gửi Giám đốc).

- Quan hệ phối hợp công việc về công tác kiểm tra, giám sát giữa BKS với các Cán bộ quản lý và các đơn vị được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty. Việc cung cấp thông tin, báo cáo, phối hợp kiểm tra của BKS trên cơ sở chương trình và có sự thống nhất với Giám đốc.

CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC:

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 50. Đánh giá hoạt động đối với Cán bộ quản lý

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT, BKS và Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá Cán bộ quản lý từ Trưởng, Phó các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty và báo cáo HĐQT, BKS.

Điều 51. Khen thưởng

1. Hàng năm, ĐHĐCĐ quyết định mức khen thưởng đối với HĐQT và bộ máy điều hành.

2. Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền;
- Bằng cổ phiếu (nếu có);

3. Đối với đối tượng là thành viên HĐQT, BKS: HĐQT, BKS quyết định trong phạm vi thù lao và mức thưởng.

4. Đối với đối tượng là Cán bộ quản lý: Nguồn kinh phí được trích từ quỹ khen thưởng của Công ty và nguồn hợp pháp khác.

5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế từng năm, Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn mức khen thưởng phù hợp.

Điều 52. Kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và các văn bản của Công ty. Thành viên HĐQT, Giám đốc và Cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên HĐQT, Giám đốc và Cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật hoặc quy định của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

4. Hình thức kỷ luật bãi nhiệm áp dụng đối với Cán bộ quản lý có một trong các hành vi sau đây:

- a. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bổ nhiệm chức vụ;
- b. Không hoàn thành nhiệm vụ trong phạm vi chức năng, quyền hạn được giao;
- c. Bị truy tố và bị Tòa tuyên bố có tội;
- d. Vi phạm về phẩm chất, đạo đức;
- đ. Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- e. Vi phạm ở mức độ rất nghiêm trọng quy định của pháp luật về kinh tế; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- g. Các trường hợp khác do ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định.

Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với Cán bộ quản lý có một trong các hành vi sau đây:

- h. Bị phạt tù mà không được hưởng án treo;
- i. Nghiện ma túy có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

04
PH
NU
N
M
TP.

k. Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

l. Có các quyết định, chỉ đạo, điều hành để Công ty thua lỗ, thất thoát vốn gây hậu quả nghiêm trọng;

m. Vi phạm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng quy định pháp luật về kinh tế; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

n. Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

o. Có ý vi phạm Điều lệ, Quy chế của Công ty gây hậu quả nghiêm trọng;

p. Các trường hợp khác do ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do ĐHĐCĐ xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

3. Trường hợp không có sự nhất quán giữa các quy định trong Quy chế này và Điều lệ Công ty thì các quy định của Điều lệ Công ty có giá trị cao hơn

CHƯƠNG IX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 9 chương, 54 Điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Lộc



DỰ THẢO

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày 27/4/2021
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày 27 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn bao gồm các nội dung sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị (HDQT):

1. HDQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của công ty, HDQT ban hành quy chế hoạt động nhằm cụ thể hoá quyền và nghĩa vụ, chế độ phân công, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của HDQT. Trong quá trình hoạt động HDQT sẽ điều chỉnh, sửa đổi bổ sung quy chế phù hợp với tình hình hoạt động của công ty.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ... người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

[Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp], cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 05 người, Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

[Đối với công ty niêm yết] Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

8. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

9. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại [Điều lệ công ty].

Điều 9. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng

quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. [Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác], việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên

đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.



3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

[Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác] Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời [hạn 30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 16. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 17. Người phụ trách quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty].

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp [nếu Điều lệ công ty không có quy định khác]. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội

đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị].

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không

bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Chương 26 Điều, được Hội đồng quản trị Công ty nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Điều hành;
- Thư ký;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Lộc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC TRÀ NÓC-Ô MÔN**

(DỰ THẢO)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2021

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc-Ô Môn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc-Ô Môn,

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc-Ô Môn bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tranoc-Omonwaco (Công ty) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Căn cứ quy mô của công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên, trong đó có Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại công ty đó. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.
2. Một cá nhân có thể đồng thời được bổ nhiệm làm Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của không quá 04 doanh nghiệp nhà nước.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;

b) Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; thành viên Hội đồng thành viên của công ty; Chủ tịch công ty; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của công ty;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 6. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 8. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 103 của Luật này;
- b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;
- c) Được cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;
- d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị cách chức trong trường hợp sau đây:

- a) Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên quy định tại Luật này và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

184
CÔNG TY
HẠN
HỮU
CÔNG
CƠ

- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Quyền của Ban kiểm soát

1. Tham gia các cuộc họp Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành công ty.
2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.
3. Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty.
4. Yêu cầu người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
6. Quyền khác quy định tại Điều lệ công ty.



Điều 11. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau đây:

- a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;
- b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty;
- c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty;
- d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của công ty;
- đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;
- e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan;
- g) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;
- h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên;
- i) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ công ty.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và chi trả.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần; *mỗi tháng 1 lần* trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.
6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.
7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

01/06
IN
3P
PN
A P
MK
TP

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

12/2024
CÔNG TY
CỔ PHẦN

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc- Ô Môn, bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng....năm 2021.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế

Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong một cuộc họp được triệu tập hợp pháp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Các thành viên Ban Kiểm soát căn cứ Quy chế thực hiện; Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quy chế để phối hợp./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Ngô Hồng Hạnh

